

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	DANH MỤC
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế điều hành tại Đại hội.
3	Báo cáo tóm tắt nội dung sổ cổ đông chốt ngày 14/03/2022 để thực hiện quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần LICOGI 16.
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT và mục tiêu hoạt động năm 2022.
5	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2022.
6	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 (đã kiểm toán).
7	Báo cáo tình hình sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.
8	Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022.
9	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021.
10	Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2022.
11	Tờ trình Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.
12	Tờ trình Sửa đổi điều lệ Công ty.
13	Tờ trình điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.
14	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.
15	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
16	Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2022.
17	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 (đã kiểm toán).

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 (NGÀY 16/04/2022)**

Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
08h00 – 08h45	Tổ chức đón tiếp khách, kiểm tra số lượng và tư cách cổ đông về dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết.	Ban kiểm tra tư cách CD và BTC
08h45 – 08h55	Thông qua quy chế điều hành tại Đại hội.	MC
08h55 – 09h00	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông về dự Đại hội.	Ban KT tư cách CD
09h00 – 09h05	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.	MC
09h05 – 09h10	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.	MC
09h10 – 09h15	Thông qua chương trình Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
09h15 – 09h30	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và mục tiêu hoạt động năm 2022.	Chủ tịch HĐQT
09h30 – 09h45	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2022.	TGD
09h45 – 09h50	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán).	KTT
09h50 – 09h55	Báo cáo tình hình sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.	Thành viên HĐQT
09h55 – 10h15	<p>Trình đại hội các nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022. Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2022. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh. Sửa đổi điều lệ Công ty. Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2022. Các nội dung quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. 	Thành viên HĐQT
10h15 – 10h30	Nghỉ giải lao.	
10h30 – 11h20	Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến.	Đoàn Chủ tịch
11h20 – 11h30	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và các tờ trình của HĐQT.	Đoàn Chủ tịch

Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
11h30 – 11h35	Đọc kết quả kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu
11h35 – 11h45	Ban thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội. Thông qua nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký
11h45	Bế mạc Đại hội.	Đoàn Chủ tịch

QUY CHẾ ĐIỀU HÀNH**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung lần thứ 10 và thông qua ngày 03 tháng 04 năm 2021.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (gọi tắt là Công ty).
- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II**THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI****Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội**

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.
- Ban Thư ký Đại hội gồm 02 người.
- Ban Kiểm phiếu biểu quyết gồm 7 người.

Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội. Số liệu này được căn cứ theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 226/2022-LCG/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập và cấp ngày 16/03/2022.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 8 người (do Ban Tổ chức Đại hội phân công).

- Đại biểu khách mời đại diện cho Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM và các Sở - Ban ngành khác.



Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông

- Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.
- Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông (trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền, không được ủy quyền cho người thứ ba).
- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có nghĩa vụ đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

4.1. Chủ tọa có trách nhiệm:

- Chủ trì và điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số;
- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn của các cổ đông, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

4.2. Chủ tọa có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu Ban Tổ chức Đại hội trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp;
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
 - + Cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp có hành vi cản trở, gây mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách dân chủ và hợp pháp...
- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.
- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo và công bố dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Công bố thông tin Biên bản họp và nghị quyết theo qui định.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- Hướng dẫn thủ tục biểu quyết, theo Quy chế làm việc của Đại hội.
- Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết, các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc có sự khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Tổ chức thẩm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, lập Biên bản và công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.

Điều 8. Trật tự của Đại hội

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuyệt đối tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí ngồi của Ban Tổ chức.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu diễn ra Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội chỉ được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đạt ít nhất 51% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



Chương IV

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và mục tiêu hoạt động năm 2022.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2022.
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.
- Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022.
- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021.
- Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2022.
- Tờ trình Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.
- Tờ trình Sửa đổi điều lệ Công ty.
- Tờ trình Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.
- Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.
- Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP).
- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2022.
- Các nội dung quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn trình bày ý kiến có thể ghi vào phiếu ý kiến mà Công ty đã phát kèm tài liệu khi tham dự Đại hội. Các ý kiến sẽ chuyển đến Ban Thư ký để chuyển đến Đoàn Chủ tọa.

Điều 12. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

12.1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, mỗi cổ đông được cấp một hoặc một số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số lượng cổ phần sở hữu và có đóng dấu treo của Công ty.

12.2. Hình thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội theo hình thức ghi phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội:

- + Thông qua Đoàn chủ tịch và Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.
- + Thông qua Quy chế điều hành Đại hội; và các Quy chế khác (nếu có).
- + Thông qua các nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội.
- + Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.

12.3. Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội:

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một quyền biểu quyết.

Điều 13. Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội

- Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội: Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu, Ban Thư ký tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- Tất cả những vấn đề khác không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được công bố trước Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: **60** /LICOGI16-CN&TT

TP. HCM, ngày **21** tháng 03 năm 2022

Hochiminh City, March **21st** 2022

TÓM TẮT SỞ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 14/03/2022 ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2022

SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 14/03/2022 FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING

THE RIGHTS TO JOIN IN THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2022

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ The State as shareholder	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	13.438.643	7,71	1	0	1
	- Trong nước/ Domestic	13.438.643	7,71	1	0	1
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	12.014	0,01	1	1	0
	- Trong nước/ Domestic	12.014	0,01	1	1	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0

5	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	2.000.338	1,15	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Preferred stocks</i>	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	158.953.829	91,13	37.694	107	37.587
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	154.602.412	88,64	37.548	85	37.463
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	4.351.417	2,49	146	22	124
TỔNG CỘNG/ TOTAL		174.404.824	100,00	37.697	109	37.588
<i>Trong đó: - Trong nước/ Domestic</i>		<i>170.053.407</i>	<i>97,51</i>	<i>37.551</i>	<i>87</i>	<i>37.464</i>
<i>- Nước ngoài/ Foreign</i>		<i>4.351.417</i>	<i>2,49</i>	<i>146</i>	<i>22</i>	<i>124</i>

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NDTCKN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

Công ty chưa xác định được danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14. Theo đó, Công ty chưa thể tóm tắt theo bảng bên dưới.

The company has not identified the list of professional securities investors according to Article 11 of the Securities Law No. 54/2019/QH14. Accordingly, the Company cannot summarize according to the table below.

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ <i>Shareholding structure</i>	
					<i>Tổ chức</i>	<i>Cá nhân</i>
NO.	<i>Subject</i>	<i>Number of Share</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>	<i>Number of Shareholders</i>	<i>Institution</i>	<i>Individual</i>
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKN/ <i>Major Shareholders (excluding Professional investors)</i>					
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>					
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
2	NDTCKN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ <i>Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital</i>					
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>					
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
3	NDTCKN là cổ đông sở hữu < 5% VDL <i>Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital</i>					
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>					
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
TỔNG CỘNG/ Total						

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ *Shareholding structure on type of share basis*

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng			Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>Subject</i>	<i>Number of transfer restriction shares</i>			<i>Number of free transfer shares</i>	<i>Total</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>
1	2(**)			3	4=2+3	5
	(1)	(2)	(3)			
I. Cổ đông nội bộ				20.645.527	20.645.527	11,84
II. Cổ phiếu quỹ				2.000.338	2.000.338	1,15
III. Công đoàn Công ty				12.014	12.014	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)				0	0	0
V. Cổ đông khác				151.746.945	151.746.945	87,00
1. Trong nước				147.484.542	147.484.542	84,56
1.1 Cá nhân				144.619.072	144.619.072	82,92
1.2 Tổ chức				2.865.470	2.865.470	1,64
Trong đó Nhà nước:						
2. Nước ngoài				4.262.403	4.262.403	2,44
2.1 Cá nhân				1.674.722	1.674.722	0,96
2.2 Tổ chức				2.587.681	2.587.681	1,48
TỔNG CỘNG:				174.404.824	174.404.824	100,00

302310
CÔNG T
CỔ PH
ICOGI
ANH.T.P

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/DKGD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A					0	0	0
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Nguyễn Văn Nghĩa	130149322	19/11/2020	Công Ty cổ phần Gạch men TASA, Khu công nghiệp Thụy Vân, Việt Trì, Phú Thọ	13.438.643	7,71	0
Tổng Cộng B/ Total B					13.438.643	7,71	0
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C					0	0	0
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ <i>Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)</i>							
Tổng Cộng D/ Total D					0	0	0
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					13.438.643	7,71	0

III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT No.	Họ tên Name	Chức vụ Position	Số lượng CP/ Number of shares			
			Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*) Free transfer	Tổng cộng Total	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		5.272.775	5.272.775	3,02
2	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		89.014	89.014	0,05
3	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		122	122	0,00
4	Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KTNB		0	0	0,00
5	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT		13.438.643	13.438.643	7,71
6	Tăng Quốc Thuộc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc		1.120.240	1.120.240	0,64
7	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người UQ CBTT		340.000	340.000	0,19
8	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc		32.689	32.689	0,02
9	Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc		0	0	0,00
10	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		352.044	352.044	0,20
11	Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban KTNB		0	0	0,00
12	Lê Trung Vũ	Thành viên Ban KTNB		0	0	0,00
TỔNG CỘNG/TOTAL:				20.645.527	20.645.527	11,84

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Authorized person to disclose information


LÊ THỊ PHƯƠNG NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO**VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021
& MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng nhiệm vụ của năm 2022.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021**I. Cơ cấu, các quyết định và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021****1. Cơ cấu thành viên và phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị**

Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 06 thành viên, trong đó có 04 thành viên không điều hành bao gồm 03 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty; theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, đồng thời kiểm soát việc thực thi của Ban Tổng Giám đốc để bảo vệ quyền lợi chung của Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tổ chức 08 cuộc họp chính vào các ngày 15/01/2021, 03/04/2021, 13/05/2021, 26/07/2021, 08/09/2021, 07/10/2021, 29/10/2021, 30/11/2021. Theo đó, một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng Quản trị thông qua, các Nghị quyết, Quyết định được ban hành và công bố thông tin đảm bảo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế hoạt động của Công ty. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2021 đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021.



3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2021

Stt	Chủ trương thông qua của ĐHĐCĐ 2021	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh	Doanh thu hợp nhất đạt 50% và lợi nhuận hợp nhất đạt 60% so với kế hoạch
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Trình đại hội không trích quỹ
3	Lựa chọn công ty kiểm toán	Hoàn thành
4	Chia cổ tức 2020 là 15%	Hoàn thành, thực hiện chi 7% bằng tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu
5	Sửa đổi điều lệ Công ty	Đã ban hành điều lệ sửa đổi lần 10
6	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Hoàn thành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ cổ phiếu được phân phối là 95,88%, tương đương huy động được 479 tỷ đồng.
7	Thay đổi nhận diện thương hiệu	<p>Đã hoàn tất công tác chuẩn bị, thời gian dự kiến tiến hành công bố thương hiệu mới: sau Đại hội. Thương hiệu mới lựa chọn: Lizen, hiện đang đăng ký nhãn hiệu tại Cục SHTT.</p> <p>Thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần LICOGI 16 thành tên Công ty như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi: CÔNG TY CỔ PHẦN LIZEN - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh sau khi thay đổi: LIZEN Joint Stock Company - Tên Công ty viết tắt sau khi thay đổi: LIZEN

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021 vừa qua là một năm đặc biệt khó khăn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và LICOGI 16 cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng chung bởi đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời, linh hoạt chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo định hướng chiến lược 2021 – 2025 mà Đại hội đồng cổ đông 2021 đã thông qua như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Hoạt động xây lắp:

Hoạt động xây lắp tiếp tục là hoạt động cốt lõi mang lại nguồn công việc và doanh thu chính cho LICOGI 16. Năm 2021, LICOGI 16 đã trúng thầu 2 dự án hạ tầng vốn ngân sách Nhà nước là Cao tốc Vân Đồn – Tiên Yên và Cao tốc đoạn Quốc lộ 45 – Nghi Sơn với tổng giá trị gần 1.000 tỷ đồng. Các dự án hạ tầng năng lượng tái tạo, cụ thể là 3 dự án điện gió với tổng giá trị 586 tỷ đồng, tạo nền tảng cơ bản để Công ty đấu thầu và triển khai các dự án điện gió trong thời gian tới. Dù vậy, dưới tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, các biện pháp giãn cách xã hội diễn ra trong thời gian dài, chi phí nguyên vật liệu tăng cao, các dự án tạm hoãn thi công, giãn tiến độ hay chủ đầu tư chậm giao mặt bằng... đã khiến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp không đạt được như kế hoạch đề ra.

Cơ cấu doanh thu từng lĩnh vực: Năng lượng tái tạo đạt 49%, Hạ tầng giao thông đạt 38%, Xây lắp điện, dân dụng và khác đạt 13%.

b. Hoạt động bất động sản:

Năm 2021, LICOGI 16 ghi nhận 335 tỷ đồng, tương đương 18% tổng doanh thu, từ doanh thu bán đất nền dự án Long Tân, đã hỗ trợ rất lớn về mặt doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền hoạt động trong bối cảnh các hoạt động khác chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch. Quỹ đất để khai thác đến năm 2021 hiện không còn nhiều.

c. Hoạt động đầu tư:

Giá trị đã đầu tư lũy kế đến hết năm 2021 là 1.375 tỷ đồng, chiếm 56% tổng giá trị đầu tư đã đăng ký.

- Hạ tầng giao thông chiếm tỷ trọng đầu tư cao nhất với 48%. Danh mục các dự án hiện hữu bao gồm: BOT Hữu Nghị - Chi Lăng, BOT Bắc Giang – Lạng Sơn, BOT 38. Việc đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông mục tiêu thu lợi nhuận tài chính từ việc đầu tư, đem lại nguồn công việc mảng xây dựng nhằm duy trì hoạt động, tạo nguồn lợi nhuận ổn định và tạo nguồn tiền ngắn hạn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư.

- Năng lượng tái tạo chiếm 28%, đã thành lập và góp vốn đầu tư vào 3 công ty năng lượng điện mặt trời và 2 công ty năng lượng điện gió, dự kiến bắt đầu tập trung nguồn tiền đầu tư từ cuối năm 2022.
- + Các dự án điện gió Thăng Hưng, Quảng Trị 1, Quảng Trị 2, Iator, Đình Lập tổng công suất gần 400MWp đang thực hiện các công việc liên quan đến tiền phát triển dự án, mục tiêu triển khai trong giai đoạn 2022 – 2025.
- + Dự án Solar Chư Ngọc giai đoạn 1 và Solar Nhơn Hải dự kiến hoàn tất chuyển nhượng cho Banpu Group trong năm 2022. Nhóm dự án điện mặt trời khác liên danh cùng Licogi 13 tại Ninh Thuận đã nộp hồ sơ đăng ký khảo sát và đề xuất bổ sung quy hoạch.
- Bất động sản: tiếp tục là mảng hỗ trợ cho lợi nhuận và dòng tiền hoạt động của Công ty trong bối cảnh các hoạt động khác chịu ảnh hưởng do đại dịch. Hiện Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng ban ngành, đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tiềm năng tại Ninh Thuận và Thanh Hóa.

2. Hoạt động tài chính tín dụng

Năm 2021, dư nợ được cơ cấu điều chỉnh giảm rõ rệt, dư nợ cuối năm 2021 là 264 tỷ đồng, giảm 53% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn theo hạn mức chung và thuê mua tài chính đầu tư máy móc thiết bị.

3. Trách nhiệm môi trường và xã hội

LICOGI 16 tham gia vào các dự án các dự án phát triển ngành công nghiệp điện năng không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày một đi lên mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp khi khai thác các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

Hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại được đầu tư thể hiện mối quan tâm của doanh nghiệp đến môi trường khi hạn chế lượng khí thải trong vận hành ra môi trường hay giảm thiểu lượng sản phẩm không đạt yêu cầu sản xuất.

Về nguồn nhân lực, tổng số nhân sự toàn hệ thống LICOGI 16 là 395 người, tăng 35,7% so với năm 2020. Năm 2021, LICOGI 16 tập trung điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tinh gọn bộ máy của các đơn vị phù hợp với định hướng phát triển, nâng cao năng suất lao động.

Về trách nhiệm xã hội: chủ động, tích cực trong các hoạt động ủng hộ người nghèo, ủng hộ kinh phí mua vaccine phòng, chống dịch Covid-19.

4. Về công tác thay đổi mô hình tổ chức Công ty và tăng cường công tác giao quyền tự chủ cho các đơn vị sản xuất

Năm 2021, LICOGI 16 hoạch định lại chiến lược phát triển trong dài hạn với 3 lĩnh vực chính, phù hợp với xu thế phát triển chung của tình hình kinh tế - xã hội, bao gồm: Hạ tầng giao thông, Hạ tầng dân dụng – công nghiệp và năng lượng tái tạo, Bất động sản. Các công ty con chuyên ngành đại diện cho công ty mẹ quản lý và triển khai đối với từng dự án trong lĩnh vực của mình:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16
- Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16

III. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, đại hội đã thông qua ngân sách hoạt động, quỹ lương, thù lao đối với HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký LICOGI 16 là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất và trích Quỹ thưởng HĐQT là 1% .

Thực tế, ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao đã chi trả năm 2021 cho HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký tương ứng 0,13% doanh thu thuần hợp nhất, phần còn lại dự kiến thực hiện chi trong năm 2022. Thưởng cho HĐQT đề nghị không chi do lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động triển khai kế hoạch SXKD, tổ chức thực hiện một cách tích cực nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Dù kết quả không đạt được như kỳ vọng nhưng có thể chấp nhận trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế - xã hội năm 2021.
- Ban Tổng Giám đốc đã đề ra nhiều kế hoạch, giải pháp thiết thực nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, giao khoán tới cho các công trường giảm thiểu chi phí, đảm bảo nguồn vốn và tình hình tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc chủ động tổ chức đánh giá khó khăn, thuận lợi trong hoạt động SXKD hàng năm, chỉ rõ những hạn chế và tồn tại nhằm tìm giải pháp khắc phục.
- Chủ động, tích cực thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cộng đồng, thích ứng an toàn, linh hoạt với tình hình dịch bệnh, vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh theo kịp tiến độ, vừa đảm bảo sức khỏe người lao động.

- Ban Tổng Giám đốc cần phải đẩy mạnh hoạt động lĩnh vực thi công hạ tầng hơn so với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chiếm tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận cao hơn so với mức báo cáo hiện tại.

B. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

LICOGI 16 tiếp tục thực hiện theo định hướng của HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025) đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua, cụ thể:

- Hoàn thành các dự án theo kế hoạch đã đề ra, bàn giao cho Chủ đầu tư đúng tiến độ, chất lượng, quyết toán các dự án đang tồn đọng.
- Chủ động tìm kiếm các dự án, thi công, xây dựng danh mục các dự án tiềm năng, đánh giá và có kế hoạch đấu thầu cho dự án.
- Quản lý kiểm soát chi phí chặt chẽ, có giải pháp kịp thời đảm bảo hiệu quả theo hoạch định.
- Thực hiện cơ chế giao khoán, công ty mẹ thực hiện kiểm soát dòng tiền và quản trị hiệu quả tổng thể.
- Tập trung thực hiện và phát triển các dự án bất động sản tại Ninh Thuận, Thanh Hóa, Bảo Lộc, nhanh chóng hoàn thành các thủ tục để đưa vào kinh doanh.
- Tập trung triển khai các dự án điện gió và điện mặt trời, hoàn tất các thủ tục theo quy định để triển khai theo kế hoạch.
- Xây dựng và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp, trẻ hóa đội ngũ, có các chính sách khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị, quản lý điều hành của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Đẩy mạnh việc tái cấu trúc Công ty:
 - + HĐQT: để nâng cao hoạt động thường xuyên của HĐQT, HĐQT sẽ bầu Phó Chủ tịch HĐQT.
 - + Ban Tổng Giám đốc: cơ cấu lại Ban Tổng Giám đốc theo hướng HĐQT sẽ giao toàn quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cho Ban Tổng Giám đốc, theo đó HĐQT sẽ bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới và Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - + Các phòng ban, đơn vị: tái cấu trúc toàn diện theo định hướng hoạt động của Công ty.
- Triển khai quảng bá thương hiệu của Công ty giai đoạn mới.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ Công ty năm 2022.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BUI DUONG HUNG



*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022***BÁO CÁO****KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
& KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022****I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021****1. Đánh giá tổng quan hoạt động doanh nghiệp**

Năm 2021 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị giai đoạn 2021 - 2025, trong đó dựa trên năng lực kinh nghiệm triển khai và xu thế phát triển chung của tình hình kinh tế xã hội, LICOGI 16 đã hoạch định lại chiến lược phát triển trong dài hạn với ba lĩnh vực trụ cột chính, gồm: Hạ tầng giao thông, Năng lượng tái tạo và Bất động sản. Mục tiêu hướng tới sẽ chuyên môn hóa bộ máy mà mỗi lĩnh vực sẽ có một công ty con đại diện cho công ty mẹ LICOGI 16 để quản lý và triển khai đối với từng dự án trong lĩnh vực của mình, bao gồm: mảng Hạ tầng giao thông có Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng LICOGI 16 (LCI), mảng Năng lượng tái tạo có Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCE), mảng Bất động sản có Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16 (LCLand).

Trong các mảng đầu tư của Công ty theo hướng đặc thù ngoài việc đầu tư để thu được hiệu quả tài chính thì với các dự án đầu tư này công ty mẹ sẽ được tham gia đóng vai trò là nhà thầu thi công xây lắp, do đó việc đầu tư sẽ đạt được mục tiêu lợi nhuận kép gồm lợi nhuận từ đầu tư tài chính và lợi nhuận từ hoạt động xây lắp.

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy khó khăn thách thức với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Làn sóng Covid-19 bùng phát lần thứ tư với biến chủng Delta và Omicron lây lan nhanh và các biện pháp chống dịch nghiêm ngặt như giãn cách xã hội, lệnh giới nghiêm,... đã tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế xã hội. Doanh nghiệp bị sụt giảm doanh thu nghiêm trọng, chi phí hoạt động tăng cao để đáp ứng các yêu cầu chống dịch từ Nhà nước, nhiều doanh nghiệp đã phải tạm ngưng hoạt động, phải phong toà đóng cửa khi có người lao động mắc bệnh. Trong năm, hơn 120.000 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường và GDP Việt Nam chỉ đạt 2,58%.

2. Kết quả kinh doanh

Số liệu thực hiện năm 2021 trên cơ sở Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ và hợp nhất, thông tin tóm tắt như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

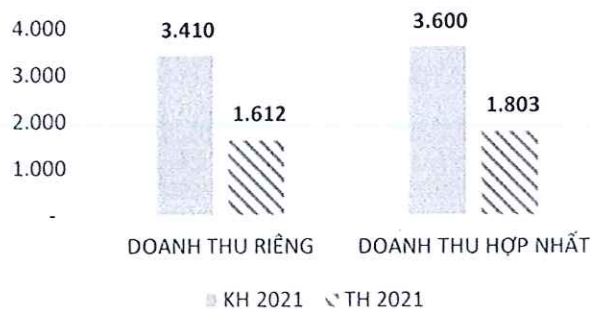
Chi tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2021	Năm 2020	Tăng trưởng	Năm 2021	Năm 2020	Tăng trưởng
A. Kết quả kinh doanh						
Doanh thu thuần	1,612	3,363	-52%	1,803	3,536	-49%
LN sau thuế	185	292	-37%	181	312	-42%
LN thuộc về Cổ đông công ty mẹ	185	292	-37%	182	311	-41%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,435	2,534	-43%	1,270	2,430	-48%
B. Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	5,098	5,370	-5%	5,805	6,132	-5%
Tài sản ngắn hạn	3,318	3,637	-9%	3,668	3,980	-8%
Tài sản dài hạn	1,780	1,733	3%	2,137	2,152	-1%
Tổng nguồn vốn	5,098	5,370	-5%	5,805	6,132	-5%
Nợ phải trả	2,721	3,542	-23%	3,416	4,286	-20%
Vốn chủ sở hữu	2,377	1,828	30%	2,389	1,846	29%
C. Chỉ tiêu tài chính						
LN/ Tổng tài sản (ROA)	3.6%	5.4%	-1.8%	3.1%	5.1%	-1.9%
LN Vốn chủ sở hữu (ROE)	7.8%	16.0%	-8.2%	7.6%	16.8%	-9.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22.0%	7.3%	14.6%	23.8%	8.6%	15.2%
Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0.5	0.7	0.0%	0.6	0.7	-11.0%

Đánh giá khái quát:

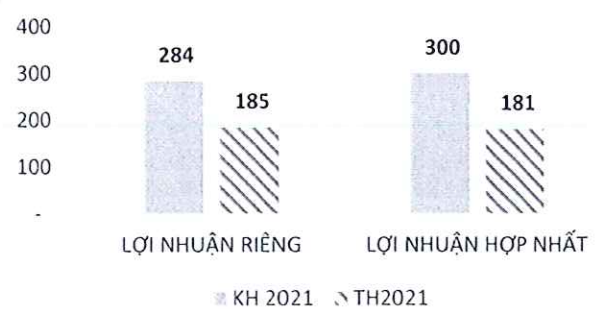
Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2021	Tỷ lệ TH/KH	TH năm 2020	Tỷ lệ TH2021/TH 2020
			(năm 2021)		
Báo cáo riêng					
Doanh thu riêng	1,612	3,410	47%	3,363	48%
LN sau thuế riêng	185	284	65%	292	63%
Báo cáo hợp nhất					
Doanh thu HN	1,803	3,600	50%	3,536	51%
LN sau thuế HN	181	300	60%	312	58%

DOANH THU 2021



LỢI NHUẬN 2021



Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1,612	354	1,803	429
Hoạt động xây lắp	1,255	149	1,297	155
Hoạt động Bất động sản	335	204	348	207
Doanh thu bán hàng, dịch vụ khác	22	1	158	67
Hoạt động tài chính	17	(37)	15	(92)
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	-	-
Hoạt động tài chính khác và lãi vay	17	(37)	15	(92)
Thu nhập khác	3	(14)	9	(9)
Chi phí bán hàng		(17)		(17)
Chi phí QLDN		(56)		(84)
LN Công ty LDLK				-
LN trước thuế		230		227
Thuế TNDN		(46)		(46)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(1)
LN sau thuế		185		182

Bảng kết quả kinh doanh theo hoạch định chiến lược và thực tế đã thực hiện giai đoạn 2016 – 2021:

KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017-2021

CHỈ TIÊU	KH2016	KH2017	KH2018	KH2019	KH2020	KH2021
Doanh thu DP	1100	1500	2500	2733	2668	3600
LN sau thuế	50	70	120	200	210	300
Cổ tức	5%	7%	7%	10%	15%	15%
Vốn chủ sở hữu	762	762	920	1170	1170	1764
Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	7%	9%	13%	17%	18%	17%

KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2017-2021

Stt	Chỉ tiêu	TH2016	TH2017	TH2018	TH2019	TH2020	TH2021
1	Doanh thu	1119	1515	2502	2536	3536	1803
2	Lợi nhuận sau thuế	69	78	165	191	311	181
3	Cổ tức	7%	7%	12%	12%	15%	10%
4	Vốn điều lệ	762	780	1000	1049	1172	1744
5	Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	9%	10%	16%	18%	27%	10%
6	EPS	906	1,000	1,646	1,821	2,654	1,038

Doanh thu năm 2021 tăng trưởng không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19, các công trình trúng thầu phải tạm hoãn, hoặc tiến độ bị kéo dài không đạt sản lượng theo kế hoạch. Ngoài ra, phần doanh thu rất lớn theo hoạch định ban đầu từ việc thi công các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời nổi, điện mặt trời) không đạt được do các dự án chưa tổ chức đấu thầu triển khai để thực hiện.

Lợi nhuận giảm do giá các nguyên vật liệu đầu vào như thép, cát, xi măng,... là đầu vào chính của hoạt động xây lắp tăng đột biến, dự toán theo định mức bị cắt giảm không theo sát theo diễn biến giá trên thị trường. Chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và EPS thấp hơn rõ rệt so với các năm trước ngoài việc do lợi nhuận sụt giảm thì trong năm Công ty tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tuy nhiên, khoản tiền tăng vốn này Công ty chỉ mới nhận được tại cuối Quý 4/2021 nên chưa thể phát huy ngay hiệu quả sử dụng vốn.

Bảng chi tiết doanh thu theo từng dự án

đơn vị: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	TH 2021	Tỷ trọng	KH 2021	Tỷ lệ thực hiện
	Hạ Tầng Giao Thông	491	27%	975	50%
1	GTVT	20		17	
2	Cầm Đình Hiệp Thuận	53		175	
3	Vân Đồn Tiên Yên	270		335	
4	Hòn Rơm	77		103	
5	XNVLXD	18		31	
6	BGLS (Quyết toán)	-		24	
7	QL45-NS	45		108	
8	Diễn Châu - Bãi Vọt	-		182	
9	HTKT Long Tân (LCE)	-		-	
10	Xuất h.đơn khấu trừ vật tư	8		-	
	Dân Dụng & Công Nghiệp Năng Lượng Tái Tạo	774	43%	1,875	41%
11	Kho bạc Bắc Ninh	15		24	
12	Trường Quang Trung	5		36	
13	Chợ Long	228		232	
14	Hòa Đông 2	151		165	
15	Lạc Hòa 2	142		129	
16	KN Vạn Ninh	102		95	
17	LCE vận hành	127		115	
18	Phước Thái 3	-		481	
19	Floating solar	-		598	
20	Mỹ Sơn 1	4		-	
21	BẮT ĐỘNG SẢN	335	19%	525	64%
	KHÁC	203	11%	225	90%
22	Licons	13		24	
23	EVN	128		150	
24	LCI	4		5	
25	LCE	7		-	
26	XDTM 12	51		46	
	TỔNG CỘNG	1,803		3,600	50%

Đánh giá doanh thu theo từng mảng

a. Doanh thu mảng hoạt động xây lắp

Đến năm 2021 thì hoạt động xây lắp vẫn là hoạt động cốt lõi mang lại nguồn công việc, doanh thu chính cho LCG. Doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp không đạt như kế hoạch đề ra do chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19, chi phí nguyên vật liệu đầu vào như thép, cát,.. tăng cao. Một số dự án phải tạm hoãn thi công, giãn tiến độ do phải thực hiện giãn cách xã hội, chủ đầu tư chậm giao mặt bằng,... Trong năm, điểm sáng nổi bật là Công ty trúng thầu 2 dự án hạ tầng có vốn ngân sách nhà nước là cao tốc Vân Đồn – Tiên Yên và cao tốc đoạn Quốc lộ 45 – Nghi Sơn với tổng giá trị hợp đồng của hai dự án đạt gần 1,000 tỷ đồng. Ngoài ra, các dự án về năng lượng tái tạo với tổng giá trị hợp đồng của 3 dự án điện gió là 586 tỷ đồng, tạo nền tảng cơ bản để Công ty có thể tiếp tục đấu thầu cho các dự án điện gió sắp tới và triển khai các dự án điện gió do Công ty làm chủ đầu tư.

Cơ cấu doanh thu của từng lĩnh vực trong tổng doanh thu: Năng lượng tái tạo 49%, Hạ tầng giao thông 38%, Xây lắp điện, dân dụng và khác 13%. Lĩnh vực năng lượng tái tạo giảm tăng trưởng so với năm 2020 do Công ty không còn xây dựng các dự án năng lượng mặt trời có đặc thù giá trị lớn và trong thời gian ngắn, trong khi đó các dự án điện gió, điện mặt trời nổi theo hoạch định chưa được triển khai. Lĩnh vực hạ tầng giao thông vốn là lĩnh vực cốt lõi đã phục hồi trở lại trong năm 2021 khi chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu xây lắp.

Về tổng thể thì giá trị các hợp đồng xây lắp đã ký và thực hiện đến năm 2021 còn lại dở dang chưa thực hiện chuyển tiếp sang năm 2022 còn lại khoảng 893 tỷ đồng.

b. Doanh thu mảng hoạt động bất động sản

Trong năm 2021, doanh thu của bất động sản chiếm tỷ trọng tương đương 18% trên tổng doanh thu, đạt 335 tỷ đồng từ việc ghi nhận doanh thu bán đất nền dự án Long Tân. Lĩnh vực bất động sản đã hỗ trợ rất lớn về mặt doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền hoạt động trong bối cảnh hoạt động xây lắp bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh. Tuy nhiên, quỹ đất để khai thác của Công ty đến năm 2021 không còn nhiều, cụ thể: dự án Long Tân quỹ đất còn 7ha gồm một lô đất chung cư và 7 lô đất giáo dục y tế, dự án Nam Phương - Bảo Lộc quỹ đất còn 3,4ha, dự án Trường Nghề - Thanh Hóa quỹ đất còn 7,5 ha.

3. Tài chính tín dụng

Hoạt động tín dụng trong kỳ chủ yếu vẫn trên cơ sở quan hệ tín dụng với ngân hàng BIDV và TPB sử dụng cho hạn mức vay chung và hạn mức vay tài trợ đầu tư tài sản máy móc thiết bị.

Bảng tổng hợp tình hình biến động dư nợ:

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Biến động	Thay đổi
I	Vay ngắn hạn	463	142	-321	-69%
1	BIDV	124	79	-45	-36%
2	TPB	104	63	-41	-39%
3	MB	235	-	-235	-100%
II	Vay dài hạn	100	122	22	22%
1	TPB	78	26	-52	-67%
2	Thuê mua tài chính	22	96	74	336%
	Tổng cộng	563	264	-299	-53%

Xét về tổng thể, dư nợ trong năm được cơ cấu điều chỉnh giảm rõ rệt đặc biệt là nợ vay ngắn hạn. Dư nợ tại thời điểm cuối năm là 264 tỷ đồng giảm 53% so với thời điểm đầu năm sau khi tất toán khoản vay dự án KN Vạn Ninh, Đầm Trà Ô và một phần khoản công nợ hạn mức chung.

Trong đó:

- Đối với khoản nợ vay ngắn hạn theo hạn mức chung tại ngân hàng BIDV và TPB tổng dư nợ đầu năm là 228 tỷ đồng thì sau khi có nguồn thu từ chuyển nhượng dự án bất động sản đã thực hiện rút một phần tài sản và điều chỉnh lại hạn mức tín dụng. Dự kiến trong Quý 1/2022 sẽ dùng nguồn thu từ phát hành tăng vốn để tất toán hết khoản nợ vay ngắn hạn theo hạn mức chung tại hai ngân hàng BIDV và TPB, hiện nay đang chờ hai ngân hàng tính toán lại phương án về rút sổ thể chấp và tiền mặt ký quỹ đối với các bảo lãnh đã phát hành.

- Đối với các khoản nợ vay theo dự án: Trong năm đã tất toán khoản vay tại ngân hàng MB dự án KN Vạn Ninh 235 tỷ đồng. Khoản vay này do ghi nhận vay theo dự án và được tính toán hoạch định đảm bảo bằng nguồn thu của dự án nên sau khi hoàn thành kết thúc dự án sẽ tất toán hết.

- Đối với các khoản vay dài hạn: là khoản vay tại TPB và thuê mua tài chính VILC, SumiTrust để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị thì trong vòng 4 năm tiếp theo sẽ tất toán hết.

4. Hoạt động đầu tư theo từng lĩnh vực

Tổng giá trị đã đầu tư lũy kế trong 5 lĩnh vực chính của Công ty gồm: Bất động sản, Hạ tầng giao thông, Năng lượng, Hạ tầng tiện ích và Xây dựng đến hết năm 2021 là 1,375 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56% trên tổng giá trị đầu tư đăng ký (2,443 tỷ đồng). Trong cơ cấu lĩnh vực đầu tư, mảng hạ tầng giao thông vẫn là mảng đầu tư cốt lõi chiếm tỷ trọng đầu tư cao nhất của Công ty với tỷ lệ 48%, tiếp đến là lĩnh vực năng lượng tái tạo với tỷ lệ 28%, xu hướng đầu tư của lĩnh vực năng lượng tái tạo đang tăng dần trong bảng cơ cấu tổng thể đầu tư của doanh nghiệp.

Phân loại theo lĩnh vực đầu tư thì cơ cấu cụ thể:

Stt	Lĩnh vực	Giá trị đầu tư đăng ký	Giá trị thực hiện lũy kế	Tỷ trọng đầu tư từng lĩnh vực	Tỷ trọng đã thực hiện/dăng ký	TH2021
1	BDS	228	99	7%	43%	10.2
2	Giao thông	791	666	48%	84%	35.0
3	Năng lượng	1,203	391	28%	33%	1.4
4	Tiện ích	135	135	10%	100%	-
5	XD	86	85	6%	99%	-
	Tổng cộng (tỷ đồng)	2,443	1,375	100%	56%	46.6

a. Lĩnh vực năng lượng:

Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đã thành lập và góp vốn đầu tư vào ba công ty trong lĩnh vực solar (trong đó hai công ty đã đi vào vận hành có nguồn thu ổn định) và hai công ty điện gió đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng. Hai dự án điện gió với giá trị đầu tư đăng ký rất lớn là 776 tỷ đồng, tuy nhiên do trong năm 2021 đang trong quá trình thực hiện chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện thủ tục pháp lý và dự kiến sẽ bắt đầu tập trung nguồn tiền đầu tư từ cuối năm 2022 sau khi thông tin cơ chế giá điện được cụ thể hóa từ Chính phủ.

Thông tin chi tiết các dự án:

*** NMD Mặt trời Solar Chư Ngọc – Gia Lai**

Tổng mức đầu tư dự án là 336 tỷ - công suất 15Mwp – vốn chủ sở hữu tham gia dự án là 125 tỷ đồng (LCG chiếm 97%). Dự án đi vào vận hành khai thác từ tháng 6/2019, doanh thu bình quân hàng tháng năm 2021 là 3,9 tỷ/tháng.

Công ty đã thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tách riêng chủ trương đầu tư cho hai giai đoạn của dự án. Trong đó giai đoạn 1 công suất 15Mwp đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cho đối tác Banpu Group dự kiến hoàn thành trong năm 2022 và giai đoạn 2 công suất là 25MWp Công ty sẽ tiếp tục triển khai sau khi hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý. Hiện trong nguồn phát hành tăng vốn của công ty trong năm 2021 có đề xuất 146 tỷ sử dụng cho phát triển giai đoạn 2 của dự án Solar Chư Ngọc.

*** NMD Mặt trời Solar Nhơn Hải – Ninh Thuận**

Tổng mức đầu tư dự án là 760 tỷ - công suất 35Mwp – vốn chủ sở hữu tham gia dự án là 236 tỷ đồng (LCG chiếm 97%). Dự án đi vào vận hành khai thác từ tháng 7/2020, doanh thu bình quân hàng tháng hiện tại là 5,5 tỷ/tháng.

Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác Banpu Group, dự kiến toàn bộ công tác chuyển nhượng hoàn thành trong Quý 2/2022.

*** Nhóm dự án Điện mặt trời khác tại Ninh Thuận**

Liên danh cùng Licogi 13 với tỷ lệ LCG 70%, LIG 30%. Liên danh đã nộp hồ sơ đăng ký khảo sát các dự án Điện mặt trời Ninh Sơn 1, Ninh Sơn 9 Ninh Thuận vào ngày 25/11/2021 và đã được UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương khảo sát và đề xuất bổ sung quy hoạch dự án Ninh Sơn 1 với tổng công suất 100MWp.

*** Dự án Điện gió Thăng Hưng – Gia Lai**

Dự án được liên danh bởi 3 bên để phát triển dự án gồm EAG 51% (chịu trách nhiệm về kỹ thuật dự án), TG 39% (chịu trách nhiệm về tín dụng), LCG 10% (chịu trách nhiệm về thủ tục pháp lý triển khai dự án).

Mục tiêu dự án: dự kiến sẽ COD 24 tháng kể từ mốc thời gian Quy hoạch điện VIII được phê duyệt. Liên danh đang thực hiện các công việc liên quan đến tiền phát triển dự án gồm: đo gió, khảo sát địa hình để đưa ra thiết kế tối ưu, đánh giá tác động môi trường, lập Pre-FS dự án.

*** Dự án điện gió Đình Lập**

Công ty đang thực hiện các hoạt động tiền phát triển dự án điện gió Đình Lập công suất 100 MWp gồm: đo gió, lựa chọn đối tác, tìm kiếm nguồn tài trợ vốn cho dự án,... UBND tỉnh Lạng Sơn đã trình Bộ Công Thương bổ sung dự án vào quy hoạch điện lực quốc gia từ tháng 10/2021 và đang chờ xét duyệt.

*** Dự án Điện gió khác**

Hai dự án điện gió tại tỉnh Quảng Trị tổng công suất 96MWp và dự án điện gió Iator công suất 100MWp đang dự kiến sẽ được đưa vào bổ sung quy hoạch điện VIII.

Mục tiêu: đưa Điện gió Quảng Trị 2x48MW vào kế hoạch triển khai chi tiết giai đoạn 2022 – 2023 đồng bộ với TBA 500kV Hướng Hoá (cụm điện gió Win). Dự án Ia Tor có thể giai đoạn 2024 – 2025. Công ty đang tiến hành các công việc liên quan đến đo gió và công tác chuẩn bị chung.

b. Lĩnh vực hạ tầng giao thông:

Việc đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông ngoài mục tiêu thu lợi nhuận tài chính từ việc đầu tư thì còn đem lại nguồn công việc cho mảng xây dựng nhằm duy trì hoạt động, tạo nguồn lợi nhuận ổn định và tạo nguồn tiền ngắn hạn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư. Điểm bất cập là nguồn vốn đầu tư lớn và thời gian hoàn vốn kéo dài, các chính sách chưa ổn định dẫn đến tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực BOT không nhiều nếu như không đi kèm các lợi nhuận xây lắp của dự án. Danh mục các dự án hạ tầng giao thông hiện hữu của Công ty như sau:

*** Dự án BOT Hữu Nghị - Chi Lăng**

Vốn chủ sở hữu thực góp của DNDA (gồm liên danh LICOGI 16 – Hà Thanh – Đèo Cà) đến hiện tại là 424 tỷ đồng, trong đó LCG góp 215 tỷ đồng (tương đương 50,7%). Hiện nay dự án đang thực hiện các bước liên quan đến điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án bổ sung đoạn tuyến Tân Thanh - Cốc Nam vào giai đoạn 1 dự án. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 của dự án là hơn 10,000 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước tham gia 50%, vốn chủ sở hữu nhà đầu tư tham gia 15%.

*** Dự án BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**

Tổng mức đầu tư dự án 12,560 tỷ đồng gồm hợp phần nâng cấp Quốc lộ 1 với giá trị quyết toán 1,330 tỷ đồng đưa vào vận hành từ 1/6/2018 và hợp phần cao tốc với tổng mức đầu tư 11,230 tỷ đồng đã đưa vào vận hành từ 18/2/2020. Doanh thu bình quân hàng tháng của trạm cao tốc là 18 tỷ đồng và trạm QL1 là 12 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của tình hình đại dịch Covid-19 và tính kết nối của dự án chưa đồng bộ với đoạn tuyến Hữu Nghị - Chi Lăng nên nguồn thu của dự án chưa đạt theo kỳ vọng đã hoạch định tại FS. Hội đồng quản trị và Ban điều hành của BOT BGLS đã triển khai làm việc lại với ngân hàng Vietinbank là đơn vị tài trợ vốn cho dự án để cơ cấu lại khoản vay. Đồng thời điều chỉnh lại phương án tài chính của dự án để trình phê duyệt lại trên nguyên tắc bỏ phần hỗ trợ ngân sách nhà nước và cập nhật lại lưu lượng sẽ phù hợp với tình hình thực tế do ảnh hưởng của dịch bệnh. Ngoài ra, đối với dự án thì LICOGI 16 cũng đóng vai trò là nhà thầu thi công xây lắp nên sau khi ngân hàng đã cơ cấu nợ vay cho dự án thì LICOGI 16 sẽ làm việc với doanh nghiệp dự án để thu hồi phần công nợ xây lắp còn lại.

*** Dự án BOT 38**

Tổng mức đầu tư dự án là 1,573 tỷ đồng đã vào khai thác vận hành từ tháng 5/2018. Vốn chủ sở hữu thực góp của DNDA (gồm liên danh LICOGI 16 – Khai Thác Cảng - VC2) đến hiện tại là 250 tỷ đồng trong đó LICOGI 16 góp 72,5 tỷ đồng (tương đương 29%). Doanh thu bình quân hàng tháng của trạm 6.8 tỷ đồng tương đương 226 triệu/ngày đạt 67% so với FS hoạch định. LICOGI 16 phối hợp cùng các NĐT và doanh nghiệp dự án để hoàn thành công tác quyết toán dự án (trong đó hiện nay vướng mắc chính liên quan đến gói thầu của NĐT Khai Thác Cảng), đồng thời hỗ trợ cùng NĐT Khai Thác Cảng để thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần tại doanh nghiệp dự án cho đơn vị do ngân hàng SHB chỉ định.

d. Lĩnh vực Bất động sản

*** Dự án Long Tân City**

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý còn lại liên quan đến việc chuyển nhượng 6 lô chung cư và TTTM cho đối tác để thu hồi phần công nợ chuyển nhượng còn lại là 127 tỷ đồng.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đưa vào nghiệm thu với cơ quan chức năng ban ngành toàn khu Long Tân 77ha. Thiết kế mẫu nhà cho dự án để yêu cầu xây dựng và thu hút dân cư về ở tại dự án.

- Triển khai hồ sơ pháp lý khu chung cư còn lại N1, nhằm đưa ra kế hoạch đầu tư kinh doanh trong năm 2022.

*** Dự án Điền Phước**

Công ty đang phối hợp cùng đối tác để hoàn tất các thủ tục thay đổi thành viên góp vốn, người đại diện pháp luật và trụ sở của doanh nghiệp dự án, đồng thời thực hiện bàn giao hồ sơ dự án để nhận thanh toán phần giá trị chuyển nhượng còn lại của dự án là 82.5 tỷ đồng.

*** Dự án Nam Phương – Bảo Lộc**

Đối với phần quỹ đất còn lại của dự án chưa kinh doanh 3,4ha đang thực hiện phối hợp cùng UBND thành phố Bảo Lộc để giải quyết việc hoàn tất đền bù đối với các hộ dân tại dự án, đồng thời xây dựng phương án triển khai kinh doanh theo phương án dự kiến gồm 49 nền block diện tích 7,775m² kinh doanh thương phẩm và 37 nền tổng diện tích 4,213 m² dự kiến sẽ dùng bán tái định cư cho các hộ dân chưa đền bù.

*** Dự án Hiệp Thành City**

Về công tác xây dựng nhà: tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã xây dựng hoàn thành 400/483 căn nhà và thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho khách hàng như sau: đã hoàn thành thủ tục xây dựng và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận cho khách hàng 293 căn, đang thực hiện thủ tục để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận cho khách hàng 107 căn.

Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ Dự án Chung cư The Parkland cho khách hàng đã nộp hồ sơ cấp GCN 123/458 căn, 335 căn đang liên hệ khách hàng bổ sung hồ sơ cá nhân để hoàn chỉnh nộp hồ sơ cấp GCN.

*** Dự án Trường cao đẳng nghề LICOGI 16 chuyển đổi sang dự án Nhà ở xã hội**

Công ty đã hoàn tất thủ tục chấm dứt dự án đầu tư trường Nghề và triển khai các thủ tục để chuyển đổi sang dự án nhà ở xã hội. Công ty đã làm việc với Tập đoàn Sao Mai về công tác lập quy hoạch. Theo đó, vị trí khu đất nhà ở xã hội chuyển đổi từ dự án Trường cao đẳng nghề do LICOGI 16 làm chủ đầu tư diện tích khoảng 7,9ha - Tập đoàn Sao Mai chưa triển khai công việc vẽ quy hoạch chi tiết. Do đó, Công ty phải thuê đơn vị tư vấn triển khai các bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 của khu đất - khoảng 7,9ha để Tập đoàn Sao Mai cập nhật vào đồ án quy hoạch của khu vực. Công ty đã liên hệ đơn vị tư vấn chuẩn bị ký hợp đồng triển khai lập quy hoạch.

*** Dự án Nam Minh Phương (Liên danh LICOGI 14 & LICOGI 16)**

Đây là dự án liên doanh trúng thầu với LICOGI 14, trong đó LICOGI 16 chiếm 29%. Tháng 7/2020, liên doanh đã ký hợp đồng Dự án với Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

Công ty đã thành lập Ban quản lý dự án phối hợp với LICOGI 14 thực hiện bồi thường GPMB theo quy trình và hoàn thiện hồ sơ dự án như: hồ sơ thiết kế cơ sở tại Bộ Xây dựng, hồ sơ phòng cháy chữa cháy tại Bộ Công An và các hồ sơ khác tại tỉnh Phú Thọ. Hiện tại, Công ty vẫn phối hợp cùng LICOGI 14 thực hiện vận động, kiểm kê kết hợp giữa thành phố và các phường phục vụ công tác bồi thường GPMB.

Do LICOGI 14 muốn chủ động trong công tác triển khai dự án nên các bên đang làm việc để thống nhất lại phương án điều chỉnh phần vốn của LICOGI 16 tại liên danh và hoàn thiện các hồ sơ theo đúng quy định.

* Danh mục dự án bất động sản tiềm năng tại Ninh Thuận và Thanh Hóa

Tại Ninh Thuận, căn cứ theo Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư từ năm 2021 – 2025, LICOGI 16 đã làm việc cùng tỉnh đề xuất một số dự án có tính khả thi. Trên cơ sở này, LICOGI 16 đã phối hợp với cơ quan chức năng ban ngành để hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án và thực hiện các bước tiếp theo để có các hồ sơ phục vụ công tác đấu thầu dự án nhằm mục tiêu được phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư trong năm 2022 và 2023.

Tại Thanh Hóa, Công ty đã làm việc với tỉnh và địa phương có dự án để xin đề xuất chủ trương đầu tư dự án khu đô thị. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với địa phương để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch chung và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

5. Đánh giá nguồn lực doanh nghiệp

a. Nguồn nhân lực

Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tinh gọn bộ máy của một số đơn vị phù hợp với định hướng phát triển giúp nâng cao năng suất lao động, bổ sung thêm nhân sự cho các dự mới phát sinh trong năm 2021 và các đơn vị thành viên trong hệ thống. Tổng tiền lương năm 2021 của toàn hệ thống là 95 tỷ đồng (trong đó công ty mẹ là 40 tỷ đồng) so với năm 2020 là 50 tỷ đồng giảm 20,4%, tổng số nhân sự toàn hệ thống tính đến hết năm 2021 là 395 người tăng 104 nhân sự so với năm 2020 là 291 người tương ứng tỷ lệ 35,7%.

b. Nguồn lực tài sản cố định máy móc thiết bị

Với nguồn lực máy móc thiết bị đến năm 2021 đã được đầu tư mới đồng bộ, hiện đại phục vụ công tác thi công các công trình hạ tầng, do đó hiện tại nhiệm vụ cốt yếu của Công ty chỉ tập trung trong công tác tìm kiếm dự án trong lĩnh vực hạ tầng giao thông để tất cả các thiết bị được khai thác tối đa công suất, với chi phí sử dụng ở mức tối thiểu.

Tài sản	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng
Nguyên giá	527	623	
Khấu hao	-243	-322	
Giá trị còn lại	284	301	6%

Giá trị từng nhóm tài sản cố định 2021

Tài sản	Máy móc thiết bị	Máy móc thiết bị (thuê mua tài chính)	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	335	142	134	2	10	623
Khấu hao	-189	-41	-80	-2	-10	-322
Giá trị còn lại	146	101	54	0	0	301

Danh mục tài sản văn tập trung chủ yếu tại nhóm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động xây lắp hạ tầng giao thông chính là hoạt động cốt lõi của Công ty. Đánh giá hoạt động đầu tư tài sản về tính chất hoạt động là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, hầu hết thiết bị đầu tư đều là thiết bị sản phẩm có thương hiệu chất lượng cao nên giải pháp ưu tiên là khai thác tối đa hiệu suất khai thác của máy móc.

Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty:

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Giá trị khấu hao còn lại
1	Trạm BTNN	3	37
2	Xe lu	39	36
3	Thiết bị sản xuất đá	1	42
4	Máy rải	7	46
5	Máy đào	21	57
6	Máy ủi	19	46
7	Máy xúc	5	6
8	Máy san	4	6
9	Xe tải	16	3
10	Xe téc dầu	6	1
Tổng cộng		121	280

c. Hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp

Không chỉ tập trung trong việc phát triển chiến lược, hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty thì nhiệm vụ trọng yếu được Ban Tổng Giám đốc quan tâm là hoàn chỉnh hệ thống quản trị doanh nghiệp và tạo ra nền tảng văn hóa doanh nghiệp theo giá trị cốt lõi “Kiên định – Chân thành – Trách nhiệm”.

Để thực hiện được việc này thì sợi chỉ xuyên suốt là từ lãnh đạo cấp cao nhất luôn thể hiện được văn hóa rõ nét trong từng hành động, từng chỉ đạo tại mỗi nhiệm vụ triển khai tới các phòng ban.

- Thực hiện việc phân quyền phân cấp đến từng Phó Tổng Giám đốc và các công ty thành viên nhằm tăng cường công tác quản lý và hiệu quả hoạt động đối với từng đơn vị.

- Cơ cấu bộ máy chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực nhằm phát huy tối đa năng lực và phát triển chuyên sâu.

Luôn thể hiện văn hóa trong nội bộ và bên ngoài trong đó đặt thương hiệu uy tín của LICOGI 16 lên trên hết, chia sẻ cởi mở trên tinh thần hợp tác bình đẳng vì mục tiêu chung.

II. HOẠCH ĐỊNH KẾ HOẠCH NĂM 2022

1. Kế hoạch năm 2022

Căn cứ theo tình hình các dự án chuyển tiếp năm 2021, các dự án đang thực hiện nộp hồ sơ thầu và dự kiến đầu thầu cũng như kế hoạch khai thác các dự án đầu tư của Công ty thì kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2022 cụ thể như sau:

STT	DỰ ÁN	KH Q1	KH Q2	KH Q3	KH Q4	KH 2022
<i>A</i>	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>167</i>	<i>389</i>	<i>291</i>	<i>616</i>	<i>1,463</i>
I	Chuyển tiếp 2021	147	379	211	156	893
I.1	Công trình Giao thông	91	295	181	68	635
I.2	Công trình Năng lượng	4	34	4	4	44
I.3	Công trình Dân dụng và Công nghiệp	53	50	27	84	214
II	Thực hiện 2022	20	10	80	460	570
II.1	Công trình Giao thông	20	10	60	120	210
II.2	Công trình Năng lượng	-	-	-	180	180
II.3	Công trình Dân dụng và Công nghiệp	-	-	20	160	180
<i>B</i>	<i>BĐS</i>			<i>20</i>	<i>60</i>	<i>80</i>
<i>C</i>	<i>Khác</i>		<i>50</i>	<i>100</i>	<i>50</i>	<i>200</i>
<i>D</i>	<i>Thành viên</i>	<i>9</i>	<i>99</i>	<i>81</i>	<i>73</i>	<i>262</i>
	TỔNG CỘNG	177	537	492	799	2,005

Cơ sở dự phóng doanh thu kế hoạch năm 2022:

* Doanh thu hoạt động xây lắp:

- Doanh thu chuyển tiếp từ năm 2021 sang từ các hợp đồng dự án đã ký kết và đang thực hiện là 893 tỷ đồng.

- Doanh thu từ các hợp đồng dự án dự kiến ký kết thực hiện, đang trong quá trình đấu thầu và chào thầu là 570 tỷ đồng

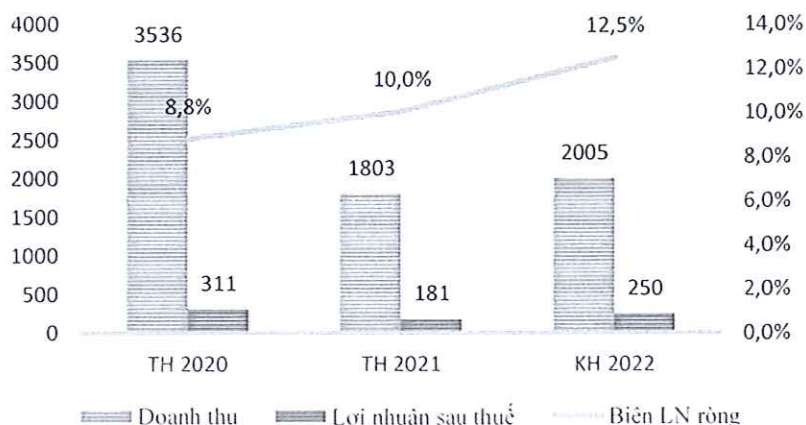
- Doanh thu từ các đơn vị thành viên công ty con dự kiến 262 tỷ đồng.

- Doanh thu Bất động sản: ghi nhận doanh thu 80 tỷ đồng từ kinh doanh phần quỹ đất còn lại trong đó trọng tâm là quỹ đất Dự án Long Tân.

- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác dự kiến đạt mục tiêu đạt 200 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh kế hoạch năm 2022 căn cứ trên hoạch định kế hoạch doanh thu xây lắp, bất động sản và đầu tư:

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	KH 2022
Doanh thu	3536	1803	2005
Tăng trưởng doanh thu		-49%	11%
Lợi nhuận sau thuế	311	181	250
Tăng trưởng lợi nhuận		-42%	38%
Biên LN ròng	8.8%	10.0%	12.5%
Cổ tức	15%	10%	12%
Vốn điều lệ	1,172	1,744	1,918



2. Nhiệm vụ mục tiêu chính năm 2022 theo từng lĩnh vực

a. Hạ tầng giao thông

* Nhóm các dự án chuyển tiếp từ năm 2021:

- Thực hiện hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, đối với các dự án kết thúc trong năm sẽ thực hiện hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư đúng tiến độ chất lượng, quyết toán đầy đủ khép lại hồ sơ và thu hồi hết công nợ dự án.

- Các dự án tồn đọng đã hoàn thành quyết toán thực hiện bám sát với CĐT để yêu cầu thanh toán dứt điểm công nợ còn lại của dự án.

- Cập nhật hiệu quả các dự án đã triển khai làm cơ sở đánh giá và rút kinh nghiệm đối với các dự án tương tự nhằm đảm bảo tối ưu lợi nhuận cho từng dự án.

* Các dự án triển khai đấu thầu mới:

- Xây dựng được danh mục các dự án tiềm năng làm cơ sở để đánh giá nhận định và có kế hoạch chương trình đấu thầu cho dự án.

- Hoạch định kế hoạch tham gia đấu thầu cho từng dự án: gồm từ công tác lập dự toán đấu thầu, tính toán hiệu quả đưa ra giá chào thầu, bám sát theo các đầu mối của CĐT để có những cập nhật hiệu chỉnh phù hợp đáp ứng theo yêu cầu mời thầu.

- Thực hiện quản lý kiểm soát chi phí đầu vào chặt chẽ, có những giải pháp kịp thời nhằm mục tiêu đảm bảo theo hiệu quả hoạch định do biên lợi nhuận gộp đối với nhóm dự án lĩnh vực hạ tầng giao thông hiện nay đã thấp hơn rất nhiều so với trước đây.

- Thực hiện cơ chế giao khoán, công ty mẹ thực hiện kiểm soát dòng tiền và quản trị hiệu quả tổng thể.

b. Năng lượng tái tạo

Nhiệm vụ trọng tâm nhóm lĩnh vực năng lượng tái tạo năm 2022 bao gồm nhóm nhiệm vụ phát triển dự án đầu tư năng lượng và nhóm nhiệm vụ thi công.

*** Nhóm nhiệm vụ phát triển dự án đầu tư năng lượng:**

- Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng dự án Solar Chư Ngọc giai đoạn 1 và dự án Solar Nhơn Hải.
- Triển khai dự án Solar Chư Ngọc giai đoạn 2 theo kế hoạch đã hoạch định.
- Căn cứ theo kết quả phê duyệt lựa chọn đấu thầu dự án điện mặt trời Ninh Sơn 1 để đưa ra kế hoạch triển khai cụ thể.
- Các dự án điện gió: chủ động thực hiện các công việc tiền dự án trong thời gian chờ phê duyệt chính thức Quy hoạch Điện VIII và các cơ chế DPPA.

*** Nhóm nhiệm vụ tìm kiếm công việc thi công:**

- Với kinh nghiệm từ các dự án xây lắp Solar farm, Solar floating, Wind power trong năm 2021, Công ty tìm kiếm các dự án tiềm năng để đấu thầu các dự án năng lượng tái tạo mới. Theo sát các đơn vị chủ đầu tư dự án năng lượng tái tạo lớn để có kế hoạch chào thầu cạnh tranh đạt được mục tiêu đã hoạch định.

c. Bất động sản

Nhiệm vụ kế hoạch công việc theo từng dự án bất động sản cụ thể như sau:

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với phần dự án đã chuyển nhượng làm cơ sở để thu hồi hết giá trị chuyển nhượng tại dự án Long Tân City và dự án Điện Phước.
- Triển khai phương án kinh doanh đối với các quỹ đất còn lại của Công ty.
- Đề xuất đầu tư thêm các dự án mới tại các địa phương như Ninh Thuận, Thanh Hóa, Lâm Đồng để đưa vào kế hoạch phát triển kinh doanh trong giai đoạn đến năm 2025.

3. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp

a. Nguồn nhân lực

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ công nhân viên, đào tạo đội ngũ kế thừa, đưa ra những chính sách khuyến khích người lao động để gắn bó lâu dài và đóng góp hết sức mình cho Công ty.
- Sắp xếp phân công vị trí nhiệm vụ phù hợp theo sở trường kinh nghiệm và năng lực của từng thành viên để phát huy tối đa được thế mạnh của từng người lao động.
- Khuyến khích các ý tưởng làm tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các mối quan hệ để đem nguồn công việc bổ sung doanh thu về cho Công ty.

b. Quản trị văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng bồi đắp văn hóa doanh nghiệp dựa trên nền tảng đã có trong suốt 20 năm hoạt động của công ty trên tinh thần nhân văn, chia sẻ đảm bảo hài hòa lợi ích.
- Thể hiện được trách nhiệm của công ty cũng như các thành viên trong công ty đối với các sản phẩm do mình làm ra, đem lại lợi ích tốt nhất cho xã hội, khách hàng và đối tác.
- Tạo ra mối liên kết bền chặt của tất cả các thành viên trong đại gia đình LICOGI 16 thông qua việc tổ chức các chương trình hoạt động để lan tỏa sâu rộng văn hóa của doanh nghiệp tới người lao động.

III. DỰ PHÓNG KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2025

1. Cơ sở hoạch định và dự phóng kế hoạch 2021 – 2025

Theo định hướng phát triển chiến lược của Chính phủ trong thời gian sắp tới liên quan đến việc sẽ tập trung để hoàn thiện hệ thống hạ tầng, trong đó gồm hệ thống cao tốc Bắc Nam và hệ thống cao tốc kết nối liên kết vùng. Ngoài ra, theo chiến lược phát triển năng lượng quốc gia khuyến khích hướng tới phát triển các dự án năng lượng sạch về điện gió và điện mặt trời. Với định hướng phát triển này thì cũng sẽ khuyến khích tạo động lực cho các dự án bất động sản đặc biệt là bất động sản khu vực lân cận địa bàn có dự án triển khai. Theo kế hoạch phát triển, Công ty sẽ tập trung trong việc phát triển ba lĩnh vực trụ cột về Hạ tầng Giao thông, Bất động sản và Năng lượng tái tạo với mục tiêu kép vừa tạo ra hiệu quả từ hoạt động đầu tư và tạo ra nguồn công việc liên quan đến hoạt động xây lắp từ các dự án đầu tư. Trong đó, đối với từng lĩnh vực đều có định hướng lộ trình đầu tư và mục tiêu cụ thể đạt được từ nay đến năm 2022, kế hoạch khai thác đối với dự án đã đầu tư nhằm xoay vòng nguồn vốn tái đầu tư cho các dự án tiếp theo và hoạch định nguồn vốn chủ cần bổ sung từng giai đoạn.

Căn cứ theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn 2022 – 2025 cũng như danh mục dự án tiềm năng dự kiến đấu thầu, đầu tư và phát triển, Công ty hoạch định kế hoạch doanh thu đến năm 2025 theo từng lĩnh vực cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	2022	2023	2024	2025
1	Hạ tầng giao thông	845	1,266	1,329	1,395
2	Năng lượng tái tạo	224	221	199	179
3	Dân dụng và công nghiệp	394	415	374	337
4	Bất động sản	80	450	906	1,677
5	Hoạt động khác	200	50	50	50
6	Công ty thành viên	262	300	350	400
	Doanh thu	2,005	2,702	3,208	4,038
	Tỷ lệ tăng trưởng		35%	19%	26%
	Lợi nhuận	250	324	385	485

2. Định hướng chiến lược phát triển đến năm 2025 đối với từng lĩnh vực

a. Lĩnh vực Hạ tầng giao thông

Về hoạt động đầu tư, trong giai đoạn này Công ty chỉ hoàn thiện trong công tác đầu tư cho dự án BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị, ngoài ra, Công ty chỉ tập trung để tham gia đấu thầu vai trò nhà thầu thi công dự án về hạ tầng giao thông, đặc biệt là nhóm dự án cao tốc Bắc Nam và dự án hạ tầng giao thông phục vụ liên kết kinh tế vùng.

Để đáp ứng được mục tiêu này, Công ty đã và đang tính toán đầu tư bổ sung thêm hệ thống máy móc thiết bị nhằm đồng bộ cùng hệ thống máy móc thiết bị hiện tại của Công ty.

b. Lĩnh vực Bất động sản

Đối với quỹ đất hiện hữu, Công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiếp tục đưa vào khai thác kinh doanh. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu và đề xuất đầu tư các dự án bất động sản tại các khu vực có tiềm năng tại các khu vực.

Theo lộ trình triển khai, Công ty sẽ triển khai gói đầu theo hướng các dự án đã cơ bản hoàn thành được các thủ tục pháp lý sẽ tập trung triển khai trước. Công ty sẽ thực hiện song song các bước gồm lập hồ sơ đề xuất, thiết kế bổ sung quy hoạch, lập FS dự án, thu mua quỹ đất, giải phóng mặt bằng và chuẩn bị các bước để đầu tư xây dựng dự án.

c. Lĩnh vực năng lượng tái tạo

Đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo thì công ty sẽ tập trung phát triển trong lĩnh vực Solar Farm, Wind Power và các lĩnh vực năng lượng khác.

Kế hoạch sẽ bắt đầu triển khai đầu tư xây dựng sau khi có thông tin cụ thể về cơ chế giá điện từ chính phủ, để triển khai được mục tiêu này thì công ty đã thực hiện việc hợp tác cùng các đối tác có năng lực kinh nghiệm về kỹ thuật và tài chính để tổ chức công tác chuẩn bị cho dự án ngay ở thời điểm hiện tại. Về cơ cấu vốn hợp tác thì mục tiêu LCG chỉ tham gia ở tỷ lệ khoảng 10% trong liên danh, việc phát triển các dự án ngoài tạo ra lợi thế về đầu tư thì còn tạo ra nguồn công việc liên quan đến xây lắp với giá trị rất lớn cho công ty.

KẾT LUẬN:

Năm 2021 vừa qua tiếp tục là một năm có rất nhiều biến động phức tạp bởi ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh Covid, xung đột chính trị thế giới, giá vật tư nguyên liệu đầu vào tăng cao. Đối với LICOGI 16 cũng không nằm ngoài phạm vi bị ảnh hưởng chung, tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm của toàn thể Cán bộ công nhân viên đã nỗ lực, tập trung trí lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có để vượt qua được giai đoạn khó khăn trong năm 2021. Nối tiếp năm 2022 đánh giá vẫn là một năm đầy thử thách phía trước, Ban Tổng giám đốc tin tưởng với sự chỉ đạo đúng đắn từ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thì Công ty sẽ đạt được nhiệm vụ kế hoạch mục tiêu đã đề ra.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch SXKD năm 2022, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Công Quốc Chuộc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm:

1. Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021.

Trong đó một số chỉ tiêu cơ bản trong BCTC năm 2021 của Công ty Cổ phần LICOGI 16, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
Báo cáo tài chính riêng		
Doanh thu thuần	1.611.877.093.963	3.362.623.218.585
Lợi nhuận sau thuế	184.796.124.778	292.093.859.303
Tổng tài sản	5.098.100.431.079	5.369.833.302.202
Vốn chủ sở hữu	2.377.213.938.899	1.827.943.202.387
Vốn cổ phần	1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
Báo cáo tài chính hợp nhất		
Doanh thu thuần	1.802.653.972.149	3.536.254.793.538
Lợi nhuận sau thuế	181.759.176.154	311.176.707.871
Tổng tài sản	5.804.533.486.116	6.132.492.672.781
Vốn chủ sở hữu	2.388.616.876.129	1.846.383.206.894
Vốn cổ phần	1.744.048.240.000	1.172.485.100.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

ru
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *duy*

BUI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 79 /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**
(Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2021 số 05/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021, từ 01/11/2021 đến ngày 30/11/2021, Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã hoàn tất việc chào bán 47.937.777 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần LICOGI 16 xin báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ ngày 1/12/2021 đến 25/03/2022 như sau:

I./ Chi tiết đợt chào bán

- Tổng số tiền thu được từ bán cổ phiếu: 479.377.770.000 đồng
- Tổng chi phí của đợt phát hành: 590.100.000 đồng
- Tổng tiền thu ròng từ đợt phát hành: 478.787.670.000 đồng

II./ Kế hoạch sử dụng tiền thu được

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền
Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Tân	150.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Năng Lượng Tái Tạo LICOGI 16 Gia Lai để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – công suất 25 Mwp	146.000.000.000
Thanh toán nợ vay của Công ty đối với các tổ chức tín dụng và công ty con	182.787.670.000
Tổng cộng	478.787.670.000

III./ Tình hình sử dụng tiền thu được

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền
Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Tân	25.626.674.387
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Năng Lượng Tái Tạo LICOGI 16 Gia Lai để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – công suất 25 Mwp	0
Thanh toán nợ vay của Công ty đối với các tổ chức tín dụng và công ty con	182.787.670.000
Tổng cộng	208.414.344.387

Như vậy, tính đến ngày 25/03/2022, tổng số vốn phát hành còn lại chưa sử dụng là 270.373.325.613 đồng. Tổng số tiền còn lại này đang được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong và được tiếp tục sử dụng cho phần kế hoạch sử dụng vốn đã hoạch định.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 72 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Để đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 (một) trong 5 (năm) đơn vị kiểm toán có năng lực, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán năm 2022 cho công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH KPMG
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty TNHH PWC Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BUI DƯƠNG HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2021 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Giá trị
I	Lợi nhuận sau thuế (Báo cáo Kiểm toán hợp nhất)		390.668.835.632
1	Các năm trước để lại		208.909.659.478
2	Năm 2021		181.759.176.154
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021		172.404.486.000
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		0
2	Chia cổ tức	10%	172.404.486.000
III	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối		218.264.349.632

2. Chia cổ tức năm 2021

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt lợi nhuận sau thuế là 181.759.176.154 đồng, không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ 2021 đã đề ra, nguyên nhân chủ yếu do năm 2021 chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm, do đó HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ thông qua mức chi trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu.

Về thời gian chi trả, trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc chốt danh sách và xác định thời gian chi trả cổ tức trong đó không chế thời điểm chốt danh sách theo quy định.

3. Báo cáo ngân sách hoạt động, lương và thù lao thực tế HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, đại hội đã thông qua ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao đối với HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất.

Thực tế, ngân sách hoạt động, lương và thù lao thực tế đã chi trả năm 2021 cho HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký là: 2.393.473.578 đồng tương ứng 0,13% doanh thu thuần hợp nhất. Phần còn lại dự kiến thực hiện chi trong năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, ngân sách hoạt động, lương thưởng và mức thù lao đối với HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xác định mức thù lao, thưởng cụ thể cho từng thành viên.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 16
QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM

BÙI ĐƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
Số: 74 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, lương, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2022 ”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2022

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 8% lợi nhuận sau thuế
- Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị : 1% lợi nhuận sau thuế
(chỉ được chi khi lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra)
- Chi cổ tức : 12%/ vốn điều lệ

2. Kế hoạch ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký dự kiến chi trả năm 2022

Căn cứ thực tế quy mô của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2022, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao cho HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký LICOGI 16 tương ứng là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.



BÙI DƯƠNG HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ tình hình và yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn về quản trị doanh nghiệp của Công ty, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật.
(Danh mục ngành nghề sửa đổi chi tiết đính kèm).
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết liên quan đến việc sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tiến hành hành cập nhật, bổ sung nội dung liên quan trong Điều lệ Công ty.

Trong phạm vi ngành nghề đăng ký kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI DƯƠNG HÙNG

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ SỬA ĐỔI CHI TIẾT

(Đính kèm Tờ trình số 83/TT-HĐQT ngày 25/03/2022)

Stt	Mã ngành	Mã ngành đăng ký doanh nghiệp hiện hành	Mã ngành đăng ký doanh nghiệp đề xuất điều chỉnh	Căn cứ/ Lý do
1	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (trừ việc Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
2	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ tình hình và yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") nhận thấy cần phải cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp các quy định của pháp luật nhằm hoàn thiện hơn nữa các nội dung Điều lệ Công ty để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Thông qua sửa đổi một số điều khoản của Điều lệ Công ty.

Nội dung chi tiết theo Phương án sửa đổi Điều lệ đính kèm.

2. Thông qua Dự thảo nội dung sửa đổi Điều lệ. Nội dung sửa đổi Điều lệ có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Dự thảo Phụ lục sửa đổi Điều lệ được đính kèm Tờ trình.

Trình ĐHCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành ký và ban hành Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG

PHƯƠNG ÁN SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số 15/TT-HĐQT ngày 25/03/2022)

Stt	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành		Nội dung đề xuất điều chỉnh		Căn cứ/ Lý do
1	Khoản 1 Điều 4	Mã ngành 6810, 4659 Điều lệ hiện hành		Mã ngành 6810, 4659 đề xuất điều chỉnh		Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
		6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (trừ việc Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	
		4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực	

				hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).	
2	Khoản 1 Điều 6	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.172.485.100.000 đồng (bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 117.248.510 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.744.048.240.000 đồng (bằng chữ: một nghìn bảy trăm bốn mươi bốn tỷ không trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 174.404.824 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	Điều chỉnh vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 05/01/2022	
3	Khoản 1, 2 Điều 21	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p>	Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	

		<p>loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	
4	Khoản 1 Điều 22	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị</p>	Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

	<p>Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Đối với việc Hội đồng quản trị lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

TỜ TRÌNH

“Về việc: Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”);
- Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 26/07/2021 về việc thông qua nội dung triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu và thành phần hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 220/GCN-UBCK ngày 04/10/2021;
- Căn cứ Thông báo số 8291/UBCK-QLCB ngày 09/12/2021 về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của LCG;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021 với nội dung như sau:

A. Phương án xử lý số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến 500 tỷ đồng

- Phương án xử lý trước điều chỉnh:

LICOGI 16 sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

1. Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Tân: 150.000.000.000 đồng.
2. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai (LCE Gia Lai) để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp: 146.000.000.000 đồng.
3. Thanh toán nợ vay của Công ty: 204.000.000.000 đồng
 - 3.1. Tổ chức tín dụng: 131.700.000.000 đồng
 - 3.2. Công ty con: 72.300.000.000 đồng

- Phương án xử lý sau điều chỉnh:

LICOGI 16 sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

1. Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Tân: 150.000.000.000 đồng.
2. Thanh toán nợ vay của Công ty: 204.000.000.000 đồng
 - 2.1. Tổ chức tín dụng: 131.700.000.000 đồng
 - 2.2. Công ty con: 72.300.000.000 đồng
3. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai (LCE Gia Lai) để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp: 146.000.000.000 đồng.

B. Mục đích sử dụng vốn:

- Theo báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, số tiền ròng thu được từ đợt phát hành là 478.787.670.000 đồng, thiếu hụt 21.212.330.000 đồng so với kế hoạch. HĐQT đề nghị giảm trừ phần thiếu hụt này trong nội dung sử dụng vốn góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai triển khai giai đoạn 2 dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp.
- Công ty đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021 để góp vốn vào LCE Gia Lai thực hiện giai đoạn 2 dự án nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc. LCE Gia Lai là chủ đầu tư của dự án nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI16 bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn 1 công suất 15Mwp đã hoàn thành đi vào hoạt động và giai đoạn 2 công suất 25Mwp.

Tuy nhiên, theo Quyết định đầu tư số 135/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI16, trong đó tách riêng hai nhà đầu tư để thực hiện hai giai đoạn của dự án, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai là Chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI16 giai đoạn 1 công suất 15Mwp.
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc là Chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI16 giai đoạn 2 công suất 25Mwp.

Vì vậy, HĐQT đề nghị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn như sau:

- Phương án sử dụng vốn trước điều chỉnh:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp với giá trị là 146.000.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu tỷ đồng).

- Phương án sử dụng vốn sau điều chỉnh:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp với giá trị là 124.787.670.000 đồng (một trăm hai mươi bốn tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ne
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *luo*



BUI DUONG HUNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021”

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Mã chứng khoán: LCG
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Vốn điều lệ trước khi phát hành (tại thời điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ): 1.744.048.240.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 174.404.824 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.338 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 172.404.486 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 17.240.448 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 172.404.480.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt thực hiện quyền. Thời điểm chốt danh sách cụ thể được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Tỷ lệ trả cổ tức: 10%/ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 10 : 1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì được nhận 1 cổ phiếu).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Số cổ phiếu phát hành thêm để trả



cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh do làm tròn (nếu có) sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ (lấy 2 số thập phân).

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 101 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện là 10 : 1, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận $(101 \times 1) / 10 = 10,10$ cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc trên, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận 10 cổ phiếu mới, số cổ phiếu lẻ 0,10 cổ phiếu sẽ được hủy bỏ.

- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021.
- Điều khoản chuyển nhượng:
 - o Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng.
 - o Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến trong năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Thông qua việc Công ty đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

III. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ VỐN ĐIỀU LỆ

Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và điều chỉnh vốn điều lệ, số lượng cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành.

IV. CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN:

- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc đăng ký phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- Xây dựng, phê duyệt phương án phát hành chi tiết, bao gồm cả việc bổ sung hoặc sửa đổi, điều chỉnh phương án phát hành khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành thành công hoặc khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền;
- Lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thêm theo phương án nêu trên;

- Thực hiện điều chỉnh Vốn điều lệ và số lượng cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành; Báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ đã điều chỉnh Vốn điều lệ và số lượng cổ phần tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan khác khi triển khai phát hành cổ phiếu;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà Hội đồng quản trị nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao;
- Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền/ giao cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



BUI DUONG HUNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)”

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Mã chứng khoán: LCG
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Vốn điều lệ trước khi phát hành (tại thời điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ): 1.744.048.240.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 174.404.824 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.338 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 172.404.486 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.450.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 34.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ): 2,00%
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
- Mục đích phát hành: thu hút và tạo điều kiện cho người lao động có năng lực tiếp tục cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đối tượng phát hành:
 - o Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người lao động của Công ty tại thời điểm lập danh sách.



- o Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt tiêu chuẩn và danh sách chi tiết người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Trường hợp người lao động nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị thu hồi theo Phương án của HĐQT với giá thu hồi là 10.000 đồng/ cổ phiếu. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án thu hồi cổ phiếu.
- Xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền mua: trường hợp người lao động từ bỏ quyền mua một phần hoặc hoàn toàn số lượng cổ phiếu được phân bổ, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các người lao động khác. Giá bán phân phối lại là 10.000 đồng/ cổ phiếu, cổ phiếu được phân phối lại bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương bán đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty.
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến trong năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Thông qua việc Công ty đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

III. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ VỐN ĐIỀU LỆ

Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và điều chỉnh vốn điều lệ, số lượng cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành.

IV. CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN:

- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc đăng ký phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- Xây dựng, phê duyệt phương án phát hành chi tiết, bao gồm cả việc bổ sung hoặc sửa đổi, điều chỉnh phương án phát hành khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành thành công hoặc khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty (nếu có);
- Phê duyệt tiêu chuẩn và danh sách chi tiết người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng;

- Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP;
- Thực hiện việc giải tỏa số lượng cổ phiếu ESOP theo Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP;
- Quyết định phương án xử lý đối với số cổ phiếu phát hành không phân phối hết (nếu có);
- Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Phê duyệt các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành;
- Lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thêm theo phương án nêu trên;
- Thực hiện điều chỉnh Vốn điều lệ và số lượng cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành; Báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ đã điều chỉnh Vốn điều lệ và số lượng cổ phần tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất;
- Thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan khác khi triển khai phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà Hội đồng quản trị nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao;
- Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền/ giao cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI DUONG HUNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần LICOGI 16 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung chính như sau:

1. Đăng ký bổ sung/thay đổi vốn điều lệ (bao gồm trường hợp tăng vốn điều lệ do chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động), tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và các nội dung khác của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và điều hành;
3. Thông qua và ban hành Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
4. Quyết định các hợp đồng giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI DƯƠNG HÙNG

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Tăng Quốc Thuộc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc Thi công	
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc Thi công	
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc Hành chính - Quản trị	
Ông Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Kỹ thuật	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được Ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền Số 01/UQ-LICOGI 16-PL ngày 2 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng giám đốc:

Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60992762/22630908/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.667.580.449.339	3.980.558.292.219
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	256.136.123.821	242.176.851.079
111	1. Tiền		244.536.123.821	242.176.851.079
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.600.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		259.432.451.700	38.745.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	259.432.451.700	38.745.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.198.511.663.874	3.042.802.787.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.617.764.294.821	2.386.355.899.338
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	325.516.718.867	287.482.034.919
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	59.971.418.391	85.771.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	305.089.767.589	389.020.227.705
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(109.830.535.794)	(105.826.792.768)
140	IV. Hàng tồn kho	10	836.549.605.500	573.907.426.958
141	1. Hàng tồn kho		836.549.605.500	573.907.426.958
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		116.950.604.444	82.926.226.597
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	508.107.407	1.316.666.536
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		113.586.675.310	78.784.376.774
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.855.821.727	2.825.183.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.136.953.036.777	2.151.934.380.562
210	I. Khoản phải thu dài hạn		36.097.880.554	6.367.569.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	36.097.880.554	6.367.569.000
220	II. Tài sản cố định		1.247.878.982.995	1.282.996.371.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.146.859.917.914	1.254.529.098.974
222	Nguyên giá		1.513.806.076.169	1.506.484.515.049
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(366.946.158.255)	(251.955.416.075)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	100.821.738.465	28.073.001.829
225	Nguyên giá		141.925.065.640	51.959.740.014
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.103.327.175)	(23.886.738.185)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	197.326.616	394.270.897
228	Nguyên giá		10.254.240.000	10.254.240.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.056.913.384)	(9.859.969.103)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		74.416.366.894	77.424.207.031
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	74.416.366.894	77.424.207.031
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	17	702.555.946.682	704.457.316.745
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		215.097.156.682	216.998.526.745
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		485.558.790.000	485.558.790.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.900.000.000	1.900.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		76.003.859.652	80.688.916.086
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	382.070.250	410.377.783
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.3	28.941.422.452	27.506.579.030
269	3. Lợi thế thương mại	18	46.680.366.950	52.771.959.273
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.804.533.486.116	6.132.492.672.781

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.415.916.609.987	4.286.109.465.887
310	I. Nợ ngắn hạn		2.564.472.237.878	3.446.967.188.013
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	763.588.003.510	1.523.247.763.301
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	547.799.057.563	640.236.254.439
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	169.897.022.292	119.817.990.435
314	4. Phải trả người lao động	22	16.671.998.279	4.860.907.698
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	656.705.755.510	338.866.242.250
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	127.712.618.001	156.676.109.351
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	228.713.076.932	621.679.242.234
321	8. Dự phòng ngắn hạn	25	-	19.551.549.882
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.384.705.791	22.031.128.423
330	II. Nợ dài hạn		851.444.372.109	839.142.277.874
331	1. Phải trả người bán dài hạn	33	89.414.653.881	89.414.653.881
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	18.482.171.051	17.433.493.043
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	743.250.603.677	731.794.455.450
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		296.943.500	499.675.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.388.616.876.129	1.846.383.206.894
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.388.616.876.129	1.846.383.206.894
411	1. Vốn cổ phần	26.1	1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	390.668.835.632	416.310.938.248
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		208.909.659.478	105.134.230.377
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		181.759.176.154	311.176.707.871
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		59.780.274.640	63.467.642.789
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.804.533.486.116	6.132.492.672.781

Đỗ Văn Hường
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc


Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	1.802.653.972.149	3.536.254.793.538
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.373.857.600.368)	(3.231.236.173.312)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		428.796.371.781	305.018.620.226
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	15.486.180.551	346.246.521.695
22	5. Chi phí tài chính	29	(107.439.648.847)	(113.617.315.906)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(106.192.359.166)	(105.055.315.050)
24	6. Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết		(107.610.569)	1.517.230.941
25	7. Chi phí bán hàng	30	(16.897.258.501)	(7.782.720.007)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(83.701.975.089)	(159.691.422.387)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		236.136.059.326	371.690.914.562
31	10. Thu nhập khác	31	9.221.741.832	4.004.268.449
32	11. Chi phí khác	31	(18.043.763.865)	(2.783.954.472)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(8.822.022.033)	1.220.313.977
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		227.314.037.293	372.911.228.539
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(47.938.532.710)	(79.416.858.751)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	1.434.843.422	18.224.481.909
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		180.810.348.005	311.718.851.697
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		181.759.176.154	311.176.707.871
62	28. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(948.828.149)	542.143.826
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.4	1.270	2.250
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.4	1.270	2.250


Đỗ Văn Hưởng
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng




Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		227.314.037.293	372.911.228.539
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	138.749.800.998	105.987.617.858
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(15.750.538.856)	71.703.838.601
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.408.730.766)	(6.615.339.186)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.030.335.081)	(14.737.886.923)
06	Chi phí lãi vay	29	106.192.359.166	105.055.315.050
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		449.066.592.754	634.304.773.939
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		788.160.849.042	(537.317.226.137)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(259.841.424.542)	250.891.162.241
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(544.414.671.326)	269.826.103.895
12	Giảm chi phí trả trước		836.866.662	7.499.825.845
14	Tiền lãi vay đã trả		(107.322.985.208)	(105.733.461.447)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.005.178.887)	(32.567.513.398)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.188.611.002)	(2.065.283.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		319.291.437.493	484.838.381.938
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.511.636.289)	(445.121.164.063)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		460.000.000	1.060.909.090
23	Tiền chi cho vay và mua công cụ vốn của đơn vị khác		(311.287.451.700)	(109.835.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		83.300.000.000	44.914.519.500
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100.000.000)	(12.911.760.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.054.550.000	14.250.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		1.877.243.984	7.447.474.588
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(226.207.294.005)	(500.195.020.885)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	26.1	479.377.770.000	24.070.000
33	Tiền thu từ đi vay	24	662.005.901.421	2.017.427.076.185
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(1.117.468.749.400)	(1.810.728.801.564)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	24	(22.366.072.367)	(10.600.390.631)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	26.2	(80.673.720.400)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(79.124.870.746)	196.121.953.990
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		13.959.272.742	180.765.315.043
60	Tiền đầu năm		242.176.851.079	61.411.536.036
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	256.136.123.821	242.176.851.079



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 395 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 326).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
			(%)	(%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 ("LCI")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	95
(2) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 ("CT12")	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiềm ích Licogi 16 ("LCU")	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	75
(4) Công ty Cổ phần Licons Việt Nam ("Licons")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	80	80
(5) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 ("LCE")	Đầu tư và phát triển các dự án năng lượng	Đang hoạt động	97	97
(6) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận ("LNT")	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	99	99
(7) Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 ("LCLand")	Bất động sản	Đang hoạt động	95	95
(8) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 1 ("QT1")	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(9) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 2 ("QT2")	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	99	99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện.

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Nhóm Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có ba bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng và năng lượng tái tạo. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.308.183.891	2.081.653.865
Tiền gửi ngân hàng	241.589.939.930	238.457.197.214
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	1.638.000.000	1.638.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (**)	11.600.000.000	-
TỔNG CỘNG	256.136.123.821	242.176.851.079

(*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

(**) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 3,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.259.222.851.024	2.015.467.521.167
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	206.291.048.055	-
Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2	128.569.875.980	-
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	124.218.984.625	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Tâm	87.193.873.569	94.526.280.047
Bà Lưu Thị Bình Dân	82.522.000.000	232.522.000.000
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	74.207.074.894	69.075.928.494
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Việt Nam	51.630.000.000	92.334.986.967
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện mặt trời Vạn Ninh	17.708.971.231	909.071.351.000
Others	486.881.022.670	617.936.974.659
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	358.541.443.797	370.888.378.171
TỔNG CỘNG	1.617.764.294.821	2.386.355.899.338
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(109.830.535.794)	(105.826.792.768)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.507.933.759.027	2.280.529.106.570

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	105.826.792.768	33.010.199.767
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.003.743.026	80.166.593.001
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(7.350.000.000)
Số cuối năm	109.830.535.794	105.826.792.768

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	287.548.639.603	246.398.581.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế - ICT	66.900.000.000	49.131.336.170
Công ty Cổ phần THĐ15	36.106.936.676	-
Khác	184.541.702.927	197.267.244.863
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	37.968.079.264	41.083.453.886
TỔNG CỘNG	325.516.718.867	287.482.034.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	21.500.000.000	15.300.000.000
Các bên khác	38.471.418.391	70.471.418.391
TỔNG CỘNG	59.971.418.391	85.771.418.391

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cho vay bên liên quan				
Ông Trần Duy Doanh	21.500.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Cho vay bên khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2	33.000.000.000	3 tháng	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	3.136.418.391	12 tháng	Không	Tín chấp
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ	2.335.000.000	3 tháng	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	59.971.418.391			

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	305.089.767.589	389.020.227.705
Tạm ứng (*)	181.915.259.013	136.407.492.191
Phải thu về chuyển nhượng vốn	69.975.550.000	57.200.672.141
Ký quỹ khác	16.039.309.400	9.600.344.203
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	11.596.291.648	138.191.890.411
Chi hộ	11.470.493.956	36.413.397.181
Phải thu lãi cho vay	7.386.025.355	5.524.331.369
Khác	6.706.838.217	5.682.100.209
Dài hạn	36.097.880.554	6.367.569.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	36.097.880.554	6.367.569.000
TỔNG CỘNG	341.187.648.143	395.387.796.705
Trong đó:		
Các bên khác	320.957.776.403	375.157.924.965
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	20.229.871.740	20.229.871.740

(*) Đây là khoản tạm ứng để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng dở dang (*)	723.831.175.556	420.951.355.142
Vật tư xây dựng	56.529.194.881	46.487.970.723
Bất động sản dở dang (**)	54.872.331.372	105.110.848.197
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	698.491.402
Công cụ, dụng cụ	618.412.289	658.761.494
TỔNG CỘNG	836.549.605.500	573.907.426.958

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	202.532.306.860	249.461.573.570
Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	61.781.719.693	-
Cao tốc QL45 - Nghi Sơn	47.396.034.186	-
Sông Hậu – Đức Hòa	37.976.391.668	43.670.335.703
Dự án Đồi Hòn Rơm	34.968.368.958	-
Cao tốc Hữu Nghị	34.915.535.681	39.635.822.168
Điện gió Chợ Long	34.658.938.565	-
Khác	269.601.879.945	88.183.623.701
TỔNG CỘNG	723.831.175.556	420.951.355.142

(**) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Bảo Lộc	43.352.576.600	49.133.481.350
Khu dân cư Nhơn Trạch	9.404.030.431	36.390.091.067
Khu dân cư Hiệp Thành	2.115.724.341	19.587.275.780
TỔNG CỘNG	54.872.331.372	105.110.848.197

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	508.107.407	1.316.666.536
Phí môi giới	-	955.926.852
Khác	508.107.407	360.739.684
Dài hạn	382.070.250	410.377.783
Công cụ, dụng cụ	382.070.250	410.377.783
TỔNG CỘNG	890.177.657	1.727.044.319

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	366.931.186.141	1.002.389.988.990	134.652.516.989	2.510.822.929	1.506.484.515.049
Mua trong năm	-	320.631.655	423.871.818	974.383.273	1.718.886.746
Phân loại lại	-	6.241.674.374	-	-	6.241.674.374
Thanh lý	-	(639.000.000)	-	-	(639.000.000)
Số cuối năm	366.931.186.141	1.008.313.295.019	135.076.388.807	3.485.206.202	1.513.806.076.169
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	12.091.270.155	11.441.827.722	2.123.091.882	25.656.189.759
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(6.805.081.198)	(176.724.874.231)	(65.939.593.983)	(2.485.866.663)	(251.955.416.075)
Khấu hao trong năm	(8.154.301.298)	(85.007.005.881)	(15.643.927.167)	(197.766.684)	(109.003.001.030)
Phân loại lại	-	(6.241.674.374)	-	-	(6.241.674.374)
Thanh lý	-	253.933.224	-	-	253.933.224
Số cuối năm	(14.959.382.496)	(267.719.621.262)	(81.583.521.150)	(2.683.633.347)	(366.946.158.255)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	360.126.104.943	825.665.114.759	68.712.923.006	24.956.266	1.254.529.098.974
Số cuối năm	351.971.803.645	740.593.673.757	53.492.867.657	801.572.855	1.146.859.917.914
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 24.2)	338.117.957.266	668.390.970.299	42.818.334.780	-	1.049.327.262.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Số đầu năm	51.959.740.014
Thuê mới trong năm	96.207.000.000
Phân loại lại	(6.241.674.374)
Số cuối năm	<u>141.925.065.640</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	(23.886.738.185)
Khấu hao trong năm	(23.458.263.364)
Phân loại lại	6.241.674.374
Số cuối năm	<u>(41.103.327.175)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>28.073.001.829</u>
Số cuối năm	<u>100.821.738.465</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm	<u>10.254.240.000</u>
---------------------------	-----------------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	(9.859.969.103)
Hao mòn trong năm	(196.944.281)
Số cuối năm	<u>(10.056.913.384)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>394.270.897</u>
Số cuối năm	<u>197.326.616</u>

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 0 VND (2020: 9.818.257.572 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp cho mục đích đầu tư xây dựng dự án Solar Farm Nhơn Hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.901.822.580	72.901.822.580
Khác	1.514.544.314	4.522.384.451
TỔNG CỘNG	74.416.366.894	77.424.207.031

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.1)	215.097.156.682	216.998.526.745
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2)	485.558.790.000	485.558.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
TỔNG CỘNG	702.555.946.682	704.457.316.745

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	180.000.000.000	30,00	180.000.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	28.037.156.682	34,50	28.144.767.251	34,50
Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông nam Quảng Trị	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	7.060.000.000	30,00	6.960.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	-	-	1.893.759.494	36,36
TỔNG CỘNG			215.097.156.682		216.998.526.745	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	333.313.782.849
Tăng trong năm	100.000.000
Thanh lý	(1.455.049.091)
Số cuối năm	<u>331.958.733.758</u>

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	(116.315.256.104)
Thanh lý	(438.710.403)
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	(107.610.569)
Số cuối năm	<u>(116.861.577.076)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>216.998.526.745</u>
Số cuối năm	<u>215.097.156.682</u>



Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19,0	47.500.000.000	19,0
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	59.611.760.000	10,004	59.611.760.000	10,004
TỔNG CỘNG			485.558.790.000		485.558.790.000	

Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 60.915.923.223

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm (8.143.963.950)

Phân bổ trong năm (6.091.592.323)

Số cuối năm (14.235.556.273)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 52.771.959.273

Số cuối năm 46.680.366.950

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	650.181.179.909	1.368.737.256.991
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	36.334.347.681	36.590.727.007
Công ty CP Licogi 166	25.204.320.529	25.543.073.043
Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt	23.532.196.690	23.777.267.483
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long	22.535.021.801	34.535.021.801
Công ty CP Sản xuất Bơm hải Dương	15.754.649.680	36.754.649.680
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Minh Phát	10.267.644.628	28.375.666.269
Công ty Cổ phần Xây dựng 817	7.961.823.313	27.929.326.988
Solar South East Asia Pte LTD	-	431.676.206.117
Khác	508.591.175.587	723.555.318.603
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	113.406.823.601	154.510.506.310
TỔNG CỘNG	763.588.003.510	1.523.247.763.301

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	545.683.357.163	621.490.670.238
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	133.570.989.000	-
Ban Quản lý Dự án 2	132.140.159.831	-
Công ty TNHH Number One Quang Vinh	-	122.970.988.178
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng AUS	-	111.199.511.822
Khác	279.972.208.332	387.320.170.238
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	2.115.700.400	18.745.584.201
TỔNG CỘNG	547.799.057.563	640.236.254.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.994.869.234	48.417.579.547	(4.005.178.887)	157.407.269.894
Thuế thu nhập cá nhân	2.579.765.614	6.794.362.387	(4.083.355.722)	5.290.772.279
Thuế nhà thầu	830.818.255	-	-	830.818.255
Thuế giá trị gia tăng	1.954.211.300	160.803.908.532	(157.848.283.100)	4.909.836.732
Khác	1.458.326.032	1.266.289.352	(1.266.290.252)	1.458.325.132
TỔNG CỘNG	119.817.990.435	217.282.139.818	(167.203.107.961)	169.897.022.292

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoàn thành các công trình xây dựng	626.043.794.700	316.936.968.220
Lương tháng 13	8.070.052.250	12.840.453.419
Lãi vay	199.447.885	1.330.073.927
Khác	22.392.460.675	7.758.746.684
TỔNG CỘNG	656.705.755.510	338.866.242.250

23. PHẢI TRẢ KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	127.712.618.001	156.676.109.351
Phạt thuế	44.615.617.189	44.615.617.189
Cổ tức	35.589.302.595	38.926.434.594
Nhận tạm ứng	9.627.932.199	9.661.366.075
Phải trả khoản đầu tư	6.600.000.000	32.600.000.000
Chi phí lãi vay	3.107.332.686	6.352.879.430
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	227.716.064	12.602.988
Quỹ bảo trì căn hộ	-	8.380.632.633
Chi phí pháp lý bàn giao căn hộ	-	3.161.979.839
Khác	27.944.717.268	12.964.596.603
Dài hạn	18.482.171.051	17.433.493.043
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Lãi vay	2.883.331.051	1.894.653.043
Khác	63.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG	146.194.789.052	174.109.602.394
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	87.778.968.376	113.647.327.800
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	58.415.820.676	60.462.274.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	228.713.076.932	621.679.242.234
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 24.1</i>)	143.024.534.964	463.603.679.874
Vay từ bên khác (<i>Thuyết minh số 24.4</i>)	8.798.927.375	63.561.554.048
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24.3, 33</i>)	5.520.471.271	5.520.471.271
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 24.2</i>)	38.449.351.807	78.436.814.949
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 24.5</i>)	32.919.791.515	10.556.722.092
Dài hạn	743.250.603.677	731.794.455.450
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 24.2</i>)	671.595.436.747	711.237.311.050
Vay từ bên khác (<i>Thuyết minh số 24.4</i>)	8.790.000.000	9.170.000.000
Nợ thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 24.5</i>)	62.865.166.930	11.387.144.400
TỔNG CỘNG	971.963.680.609	1.353.473.697.684

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.353.473.697.684	965.210.354.977
Vay trong năm	662.005.901.421	2.017.427.076.185
Tăng do mua lại công ty con	-	205.353.575.130
Giảm do thanh lý công ty con	-	(8.560.000.000)
Thuê tài chính trong năm	96.207.164.320	-
Trả nợ vay trong năm	(1.117.468.749.400)	(1.810.728.801.564)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(22.366.072.367)	(10.600.390.631)
Cán trừ với các khoản phải trả	111.738.951	(4.628.116.413)
Số cuối năm	971.963.680.609	1.353.473.697.684

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Vay	79.337.409.937	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; tiền gửi tại tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Vay	62.829.932.407	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Mua tài sản cố định	7,9 ~ 8,14	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội					
Vay	543.442.620	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mua tài sản cố định	8,4	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng					
Vay	313.750.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Mua tài sản cố định	11,8	Tài sản hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	143.024.534.964				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Gươm					
Vay	504.519.961.253	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2022 đến ngày 9 tháng 1 năm 2032	Tài trợ xây dựng dự án Solar Farm Nhơn Hải và vốn lưu động	9,75 ~ 10,95	Tài sản hình thành từ dự án Solar Farm Nhơn Hải; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất; quyền tài sản hình thành trong tương lai từ việc đầu tư và khai thác
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.000.000.000				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Anh					
Vay	179.187.146.373	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2022 đến ngày 18 tháng 4 năm 2029	Tài trợ xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Chư Ngọc – giai đoạn 1	9,2	Tài sản hình thành từ dự án Nhà máy Điện mặt trời Chư Ngọc – giai đoạn 1; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng giữa LCE Gia Lai và Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	24.540.931.403				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Vay	26.337.680.928	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 đến ngày 26 tháng 11 năm 2025	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	10,35 ~ 11,1	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	12.908.420.404				
TỔNG CỘNG	710.044.788.554				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	38.449.351.807				
Vay dài hạn	671.595.436.747				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 Khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	<u>5.520.471.271</u>	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không	Tín chấp

24.4 Các khoản vay từ bên khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn Các cá nhân	<u>8.798.927.375</u>	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	4 ~ 10	Tín chấp
Vay dài hạn Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	<u>8.790.000.000</u>	Ngày 26 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	5,5 ~ 6	Tín chấp

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.5 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê thiết bị theo hợp đồng thuê đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
<i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>							
Từ 1 năm trở xuống	35.734.186.903 35.734.186.903	2.814.395.388 2.814.395.388	32.919.791.515 32.919.791.515	11.834.348.427 11.834.348.427	1.277.626.335 1.277.626.335	10.556.722.092 10.556.722.092	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>							
Từ 1 đến 5 năm	69.487.507.715 69.487.507.715	6.622.340.785 6.622.340.785	62.865.166.930 62.865.166.930	12.073.412.478 12.073.412.478	686.268.078 686.268.078	11.387.144.400 11.387.144.400	
TỔNG CỘNG	105.221.694.618	9.436.736.173	95.784.958.445	23.907.760.905	1.963.894.413	21.943.866.492	

25. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí bảo hành Dự án Hiệp Thành	-	19.551.549.882

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	1.048.992.930.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	240.069.877.311	1.483.182.333.168
Tăng vốn cổ phần	24.070.000	-	-	-	-	24.070.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	311.176.707.871	311.176.707.871
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.467.546.934)	(11.467.546.934)
Cổ tức bằng cổ phiếu	123.468.100.000	-	-	-	(123.468.100.000)	-
Số cuối năm	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	416.310.938.248	1.782.915.564.105
Năm nay						
Số đầu năm	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	416.310.938.248	1.782.915.564.105
Tăng vốn cổ phần (i)	479.377.770.000	-	-	-	-	479.377.770.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	181.759.176.154	181.759.176.154
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.542.188.370)	(34.542.188.370)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(80.673.720.400)	(80.673.720.400)
Cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	92.185.370.000	-	-	-	(92.185.370.000)	-
Số cuối năm	1.744.048.240.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	390.668.835.632	2.328.836.601.489

(i) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 47.937.777 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá trị là 479.377.770.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 3 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2021.

(ii) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.218.537 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá trị là 92.185.370.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 3 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2021.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 22 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.744.048.240.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

		VND
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.172.485.100.000	1.048.992.930.000
Tăng vốn trong năm	479.377.770.000	24.070.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	92.185.370.000	123.468.100.000
Số cuối năm	1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	172.859.090.400	123.468.100.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	(80.673.720.400)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	(92.185.370.000)	(123.468.100.000)

26.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	172.404.486	115.248.172

26.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	181.759.176.154	311.176.707.871
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	(18.175.917.615)	(31.117.670.787)
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	163.583.258.539	280.059.037.084
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (ii)	128.800.809	124.466.709
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.270	2.250

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("NQĐHĐCĐTN") số 05/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 3 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo NQĐHĐCĐTN số 05/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 3 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

- (ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 9.218.537 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn cổ phần trong năm 2021.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ xây dựng	1.296.523.115.748	3.375.560.902.882
Doanh thu từ bán đất nền và chung cư	348.341.650.131	97.531.678.069
Doanh thu bán điện	127.542.587.230	58.914.194.101
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	22.825.658.753	3.445.894.918
Doanh thu bán hàng	7.420.960.287	802.123.568
TỔNG CỘNG	1.802.653.972.149	3.536.254.793.538

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.654.421.197	7.730.041.725
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.756.759.354	12.586.344.102
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	309.827.889.298
Lãi từ chuyển nhượng quyền góp vốn	-	15.852.120.000
Khác	75.000.000	250.126.570
TỔNG CỘNG	15.486.180.551	346.246.521.695

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	1.141.886.449.239	3.168.158.414.568
Giá vốn bán đất nền và chung cư	140.537.392.538	31.998.090.581
Giá vốn điện đã bán	61.045.390.075	28.636.464.838
Giá vốn dịch vụ cung cấp	22.959.953.289	1.778.376.513
Giá vốn hàng bán	7.428.415.227	664.826.812
TỔNG CỘNG	1.373.857.600.368	3.231.236.173.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	106.192.359.166	105.055.315.050
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	439.209.494	8.540.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	808.080.187	22.000.856
TỔNG CỘNG	107.439.648.847	113.617.315.906

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	16.897.258.501	7.782.720.007
Chi phí hoa hồng	16.742.772.968	7.291.238.577
Chi phí khác	154.485.533	491.481.430
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.701.975.089	159.691.422.387
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.003.743.026	72.816.593.001
Chi phí lương	39.012.458.646	36.048.105.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.007.783.865	7.465.503.263
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.245.819.032	3.317.314.079
Phân bổ lợi thế thương mại	6.091.592.323	3.783.318.375
Chi phí khác	18.340.578.197	36.260.587.696
TỔNG CỘNG	100.599.233.590	167.474.142.394

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.221.741.832	4.004.268.449
Thanh lý tài sản cố định	205.462.566	1.619.999.998
Khác	9.016.279.266	2.384.268.451
Chi phí khác	18.043.763.865	2.783.954.472
Chi phí bảo lãnh	1.928.108.838	1.904.293.000
Tiền phạt	14.687.464.051	511.250.459
Khác	1.428.190.976	368.411.013
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(8.822.022.033)	1.220.313.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại doanh nghiệp khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.938.532.710	92.104.159.639
Điều chỉnh thuế trích thừa của những năm trước	-	(12.687.300.888)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.434.843.422)	(18.224.481.909)
TỔNG CỘNG	46.503.689.288	61.192.376.842

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	227.314.037.293	372.911.228.539
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng	45.462.807.459	74.582.245.708
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.597.534.683	2.991.863.644
Phân bổ lợi thế thương mại	1.218.318.465	756.663.675
Lỗ (lợi nhuận) được chia từ công ty liên kết	21.522.114	(303.446.188)
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(1.604.400.824)	(4.108.892.206)
Giảm thuế	(192.092.609)	(38.756.903)
Điều chỉnh thuế trích thừa của những năm trước	-	(5.668.030.939)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	(7.019.269.949)
Chi phí thuế TNDN	46.503.689.288	61.192.376.842

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	21.620.021.159	21.165.358.554	454.662.605	14.563.318.601
Dự phòng đầu tư vào công ty con	5.713.293.030	4.108.892.206	1.604.400.824	4.108.892.206
Lợi nhuận chưa thực hiện	80.559.170	497.693.781	(417.134.611)	(2.192.572.617)
Khấu hao	117.640.166	320.231.073	(202.590.907)	(214.614.385)
Trợ cấp thôi việc phải trả	59.388.700	99.935.100	(40.546.400)	(198.715.200)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.411.341.886	1.375.289.975	36.051.911	722.329.702
Chênh lệch đánh giá hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	(60.821.659)	(60.821.659)	-	1.435.843.602
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>28.941.422.452</u>	<u>27.506.579.030</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>1.434.843.422</u>	<u>18.224.481.909</u>

VND

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.737.200.493	112.656.968.669	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	136.195.300.941	315.295.633.766	
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:					
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	136.353.277.916	135.411.536.198	
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	181.900.396.948	194.715.501.770	
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.878.702.365	11.878.702.365	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	115.829.850	589.401.120	
TỔNG CỘNG			358.541.443.797	370.888.378.171	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
				VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	37.968.079.264	41.083.453.886
<i>Phải thu về cho vay</i>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	21.500.000.000	15.300.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	20.129.871.740	20.129.871.740
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Chuyển nhượng vốn	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG			20.229.871.740	20.229.871.740
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	113.406.823.601	154.510.506.310

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	427.955.000	500.000.000
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	16.557.838.801
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	1.687.745.400	1.687.745.400
TỔNG CỘNG			2.115.700.400	18.745.584.201
Phải trả khác				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	54.462.274.594	54.462.274.594
Công ty Cổ phần Điện Lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận chuyển nhượng vốn Thu hộ	-	6.000.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Hoàn trả vốn góp	3.553.546.082 400.000.000	- -
Vay			58.415.820.676	60.462.274.594
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271
Phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	89.414.653.881	89.414.653.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.393.473.578	2.673.420.889
Ban Tổng Giám đốc	5.768.196.957	4.982.838.982
TỔNG CỘNG (*)	8.161.670.535	7.656.259.871

(*) Bao gồm Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

34. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.612.298.033	2.782.744.502
Trên 1 đến 5 năm	5.337.821.280	6.807.942.871
TỔNG CỘNG	7.950.119.313	9.590.687.373

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Năng lượng tái tạo	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Doanh thu thuần						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.950.882.074.049	348.341.650.131	127.542.587.230	30.246.619.040	(654.358.958.301)	1.802.653.972.149
Tổng doanh thu thuần	1.950.882.074.049	348.341.650.131	127.542.587.230	30.246.619.040	(654.358.958.301)	1.802.653.972.149
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	154.890.848.327	207.804.257.593	66.497.197.155	(141.749.476)	(254.181.818)	428.796.371.781
Chi phí không phân bổ						(100.599.233.590)
Doanh thu hoạt động tài chính						15.486.180.551
Chi phí tài chính						(107.439.648.847)
Lợi nhuận khác						(8.822.022.033)
Phần lỗ từ công ty liên kết						(107.610.569)
Lợi nhuận thuần trước thuế						227.314.037.293
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(47.938.532.710)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						1.434.843.422
Lợi nhuận thuần sau thuế						180.810.348.005
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	2.364.614.918.621	837.531.825.139	931.775.906.058	74.416.366.894	(126.639.998.913)	4.081.699.017.799
Tài sản không phân bổ						1.722.834.468.317
Tổng tài sản						5,804,533,486,116
Công nợ bộ phận	2.051.346.821.112	777.700.931.998	10.232.048.049	452.255.813.227	(351.479.117.194)	2.940.056.497.192
Công nợ không phân bổ						475.860.112.795
Tổng công nợ						3.415.916.609.987

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty như sau:

VND

Dịch vụ xây dựng Bất động sản Năng lượng tái tạo Hoạt động khác Điều chỉnh hợp nhất Tổng cộng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	4.038.468.126.125	97.531.678.069	58.914.194.101	5.859.343.784	3.536.254.793.538
Tổng doanh thu thuần	4.038.468.126.125	97.531.678.069	58.914.194.101	5.859.343.784	3.536.254.793.538

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận gộp của bộ phận	193.671.994.229	65.533.587.488	29.234.892.736	11.694.249.061	305.018.620.226
Chi phí không phân bổ					(167.474.142.394)
Doanh thu hoạt động tài chính					346.246.521.695
Chi phí tài chính					(113.617.315.906)
Lợi nhuận khác					1.220.313.977
Phần lãi từ công ty liên kết					1.517.230.941
Lợi nhuận thuần trước thuế					372.911.228.539
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(79.416.858.751)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					18.224.481.909
Lợi nhuận thuần sau thuế					311.718.851.697

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản và công nợ					4.709.704.132.732
Tài sản bộ phận	2.938.943.522.730	843.103.017.715	983.437.425.606	77.424.207.031	1.422.788.540.049
Tài sản không phân bổ					6.132.492.672.781
Tổng tài sản					3.855.823.957.674
Công nợ bộ phận	3.016.159.738.410	776.639.696.276	15.990.553.081	240.125.846.055	430.285.508.213
Công nợ không phân bổ					4.286.109.465.887
Tổng công nợ					4.286.109.465.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2022

